

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## **BẢN CÁO BẠCH**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

*(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200155547 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17 tháng 04 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp)*

### **CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 33/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 7 năm 2017)*

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**



**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

❖ **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Trụ sở chính: Số 26 Phố Tân Viên phường Thượng Lý quận Hồng Bàng TP Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3525 195

Fax: 0225.3824 562

❖ **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Trụ sở chính: 52 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3773 7070

Fax: (04) 3773 9058

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

Họ tên: Phùng Phương Linh

Chức vụ: Phó phòng Tài chính Kế toán

Số điện thoại : 0225.3824761

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200155547 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17 tháng 04 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Phòng cấp)



# **CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 69-2
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng phát hành	: 3.786.167 Cổ phiếu
<i>Trong đó:</i>	
<b>Phát hành cho cổ đông hiện hữu</b>	<b>: 2.500.000 Cổ phiếu</b>
<b>Phát hành để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>: 1.286.167 Cổ phiếu</b>
Giá bán	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	: 37.861.670.000 đồng

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**



Công ty Cổ phần chứng khoán FPT

**Trụ sở chính :**

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3773 7070

Fax: 04.3773 9058

Website : [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**



Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 709 , Sunrise Building Số 90 Đường Trần Thái Tông,

Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại: 04. 3200 2016

Fax: 04. 3200 2016

## MỤC LỤC

<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>4</b>
1. Rủi ro về kinh tế .....	4
2. Rủi ro về luật pháp.....	4
3. Rủi ro đặc thù.....	6
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán. ....	7
5. Rủi ro pha loãng .....	7
6. Rủi ro quản trị công ty.....	8
7. Rủi ro khác.....	9
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>9</b>
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM .....</b>	<b>10</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>	<b>11</b>
1. Thông tin chung về tổ chức phát hành.....	11
2. Quá trình hình thành và phát triển .....	12
3. Cơ cấu tổ chức công ty .....	13
4. Bộ máy quản lý .....	15
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại. ....	16
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành .....	16
7. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	17
8. Hoạt động kinh doanh .....	17
9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	24
10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	26
11. Chính sách đối với người lao động.....	27
12. Chính sách cổ tức.....	28
13. Tình hình tài chính.....	28
14. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	34
15. Tài sản.....	49
16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....	49
17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	50
18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức .....	50
19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành .....	50
20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán.....	50
<b>V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....</b>	<b>51</b>
1. Loại cổ phiếu .....	51
2. Mệnh giá .....	51
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán .....	51
4. Giá chào bán dự kiến .....	52
5. Phương pháp tính giá .....	52
6. Phương thức phân phối .....	52

7.	Thời gian phân phối cổ phiếu.....	52
8.	Đăng ký mua cổ phiếu .....	54
9.	Phương thức thực hiện quyền .....	54
11.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	55
12.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng .....	55
13.	Các loại thuế có liên quan.....	56
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu .....	56
<b>VI.</b>	<b>MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....</b>	<b>56</b>
1.	Mục đích chào bán .....	56
2.	Phương án khả thi .....	56
<b>VII.</b>	<b>KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>61</b>
<b>VIII.</b>	<b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>62</b>
<b>IX.</b>	<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>63</b>

## **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

Công ty cổ phần Lilama 69-2 là thành viên của Tổng công ty lắp máy Việt Nam – CTCP được thành lập từ những năm 1960 với tiền thân là liên hiệp lắp máy 69. Sau hơn 55 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển, Lilama 69-2 trở thành một thương hiệu mạnh của ngành lắp máy trên phạm vi trong nước và quốc tế. Tên tuổi Lilama 69-2 được gây dựng và ghi dấu đậm nét qua hàng loạt công trình trọng điểm của quốc gia thuộc các lĩnh vực: xi măng, nhiệt điện, thủy điện, hóa chất, khí công nghiệp, công trình điện, công trình dân dụng,... Trong đó, không thể không kể đến một số công trình công nghiệp quan trọng, như: Nhà máy xi măng Hải Phòng, xi măng Bim Sơn, xi măng Nghi Sơn; xi măng Chinfon; thủy điện Sơn La; nhiệt điện Phả Lại, nhiệt điện Uông Bí, nhiệt điện Vũng Áng 1; hóa chất SOFT, DASO, DAP – Đình Vũ; nhà máy giấy Bãi Bằng, nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ; Hệ thống cáp treo Fansipan, Nhiệt điện Mông Dương, Nhà máy khí công nghiệp của Airliquide,...

Tạo được vị thế và thương hiệu vững chắc tại thị trường Việt Nam, Lilama 69-2 đã từng bước vươn mình ra thị trường quốc tế. Nhiều sản phẩm của Công ty, đặc biệt là thiết bị lọc bụi đã xâm nhập sâu vào thị trường nước ngoài, trong đó có cả những thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc, Bắc Âu.... Quá trình phát triển mạnh mẽ và sâu rộng của công ty đồng thời cũng phải đối mặt với nhiều rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của công ty. Những nhân tố rủi ro đó bao gồm:

### **1. Rủi ro về kinh tế**

Rủi ro kinh tế là những rủi ro về sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế. lạm phát. lãi suất... đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro này tác động đến tất các doanh nghiệp trong nền kinh tế với những mức độ ảnh hưởng khác nhau.

#### ***Tốc độ tăng trưởng kinh tế***

Kinh tế các nước phát triển, nhất là Mỹ chuyển biến tích cực trong quý I năm 2017, tạo cơ sở để Fed tiếp tục tăng lãi suất. OECD cho rằng kinh tế Trung Quốc đã giảm tốc nhưng vẫn là động lực cho tăng trưởng toàn cầu trong tương lai gần. Ngoài ra, giá hàng hóa thế giới tiếp tục duy trì xu hướng tăng kể từ cuối 2016.

Kết thúc quý 1 năm 2017, Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia cho biết tăng trưởng GDP quý I năm 2017 thấp hơn cùng kỳ năm 2016 chủ yếu do ngành khai khoáng và xây dựng. Loại trừ yếu tố mùa vụ, tăng trưởng GDP đã giảm quý thứ 2 liên tiếp. Mặc dù được dự báo sẽ có sự cải thiện trong 3 quý cuối năm nhưng khả năng tăng trưởng đạt mục tiêu 6,7% trong năm 2017 là rất khó khăn. Vì vậy, kết thúc quý I năm 2017, Ngân hàng Nhà nước dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2017 sẽ đạt mức 6,3%, cao hơn mức 6,2% của năm 2016.

Như vậy, tình hình phát triển năm 2017 cũng không có nhiều thuận lợi hơn cho doanh nghiệp so với năm 2016 và doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức để tồn tại và phát triển.

#### ***Chính sách tiền tệ***

Khép lại năm 2016, chính sách tiền tệ đã về đích với nhiều điểm sáng đáng ghi nhận. Tuy nhiên, để thúc đẩy tăng trưởng bền vững, thực sự tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh trong năm 2017, điều hành chính sách tiền tệ sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các chính sách kinh tế vĩ mô khác, nhất là với chính sách tài khóa để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế vĩ mô, thực

hiện tốt mục tiêu kiểm soát lạm phát.

Cũng trong năm 2016, tỷ giá và thị trường ngoại hối diễn ra tương đối ổn định trong bối cảnh chịu sức ép từ những biến động khó lường trên thị trường quốc tế. So với đầu năm, tỷ giá VND/USD tăng khoảng 1,1% - 1,2%, thanh khoản thị trường tốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

Lạm phát cơ bản trong năm 2016 được kiểm soát ổn định và cả năm đạt 1,87% góp phần quan trọng trong việc thực hiện kiểm soát lạm phát CPI cả năm 4,74%, đạt mục tiêu 5% của Quốc hội đề ra. Kết thúc quý I năm 2017, VEPR dự báo lạm phát của Việt Nam năm 2017 sẽ thấp hơn 5%. Tuy nhiên, VEPR cũng cho rằng vẫn còn nhiều khả năng lạm phát sẽ cao hơn mức dự báo do hiệu ứng điều chỉnh giá dịch vụ công trên toàn quốc và sự bất định của mức giá thế giới.



Với những chính sách quyết liệt của NHNN, thị trường tín dụng, thị trường vàng, thị trường ngoại hối dần đi vào ổn định, tạo điều kiện cho Doanh nghiệp phục hồi và phát triển.

### ***Lãi suất***

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2017, Nhà nước đặt kế hoạch điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ với liều lượng và thời gian hợp lý, phản ứng nhanh nhạy, phù hợp với diễn biến thị trường; phấn đấu ổn định mặt bằng lãi suất, khi điều kiện cho phép sẽ giảm lãi suất cho vay đối với một số đối tượng và kỳ hạn cụ thể. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn có thể gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các Doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình. Công ty cổ phần Lilama 69-2 hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam là quốc gia được đánh giá là môi trường kinh doanh khá rủi ro về mặt luật pháp, do các chính sách và các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh còn chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, chưa phù hợp thực tiễn và hay thay đổi. Là Công ty đại chúng và đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty phải tuân thủ các quy định về giao dịch, về quản trị Công ty, về công bố thông tin hết sức nghiêm ngặt. Để đảm bảo hoạt động Công ty được ổn định, tuân thủ pháp luật, tạo dựng uy tín và niềm tin trong công chúng đầu tư, Công ty cần xây dựng các kế hoạch và quy định cụ thể để ứng phó với các rủi ro liên quan đến luật pháp có thể xảy ra trong tương lai.

Ngoài ra, hiệp định TPP đã hoàn tất kí kết, hàng loạt các điều khoản vốn được xem là rào cản trước đây về thủ tục, hồ sơ cho doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam cũng như những nhà đầu tư quốc tế trở nên thông thoáng hơn rất nhiều. Đây có thể là một lợi thế, nhưng đồng thời cũng có thể là một bất lợi đối với Công ty.

## **3. Rủi ro đặc thù**

### **3.1. Rủi ro ngành**

#### ***a) Rủi ro điều kiện tự nhiên***

Hoạt động xây lắp chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại nhiều khu vực có địa hình phức tạp, do đó điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả và mức độ an toàn trong sản xuất kinh doanh của lĩnh vực này. Thời gian thi công có thể kéo dài hơn dự kiến trong điều kiện thời tiết xấu, đồng thời, đòi hỏi mức độ cẩn trọng và chính xác cao hơn đối với người thực hiện cũng như quá trình vận hành máy móc thiết bị.

#### ***b) Rủi ro về hoạt động ngành.***

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế tạo xây lắp và thương mại, hoạt động của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng chủ yếu của các yếu tố như: Biến động giá cả của hàng hóa đầu vào và đầu ra, Cung cầu hàng hóa trên thị trường và các đối thủ cạnh tranh. Để kiểm soát tốt những rủi ro này, Công ty đã chủ động lập dự báo Kế hoạch xây lắp, kế hoạch bán hàng, ký kết và đặt hàng trong thời gian dài nhằm đảm bảo giữ ổn định giá nhập đầu vào. Bên cạnh đó Công ty luôn nhận được sự hợp tác, tín nhiệm của nhiều khách hàng và nhà cung cấp.

#### ***c) Rủi ro về lĩnh vực hoạt động***

Đầu vào chính của công ty là sắt, thép, các sản phẩm thép hình,... Sự biến động của giá sắt thép trên thế giới tác động lớn đến kết quả kinh doanh của công ty.

Trong lĩnh vực xây lắp, quá trình thi công thường kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao công trình từng phần. Hiện nay việc giải ngân vốn còn chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu mất nhiều thời gian. Ngoài ra việc thanh toán của chủ đầu tư còn chậm, trong khi giá nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng, các tiêu chuẩn định mức dự toán không theo kịp sự phát triển. Những điều đó có thể ảnh

hướng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

### 3.2. Rủi ro công nghệ

Xây lắp là lĩnh vực khá phức tạp, yêu cầu trình độ khoa học kỹ thuật và chuyên môn cao, bên cạnh đó là sự chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp sẽ có những ảnh hưởng đáng kể. Ý thức được rủi ro này, Công ty tập trung đào tạo chuyên môn cho nhân viên, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, có chính sách đãi ngộ tốt để thu hút và duy trì một đội ngũ nhân sự ổn định. Bên cạnh đó, công ty cũng đầu tư nhiều thiết bị máy móc công nghệ, nâng cao năng lực vận hành.

Hiện nay, trên địa bàn cả nước có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thi công và xây lắp. Những doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty. Bên cạnh đó, Việt Nam đã chính thức gia nhập WTO, cùng với đó là hiệp định thương mại xuyên Thái Bình Dương TPP sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức và các nhà đầu tư nước ngoài có thương hiệu, uy tín và tiềm lực vào hoạt động và cạnh tranh khốc liệt với các công ty xây dựng và kinh doanh bất động sản trong nước, trong đó có Công ty cổ phần Lilama 69-2.

### 4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.

Rủi ro của đợt chào bán phụ thuộc vào số lượng nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần so với tổng số lượng cổ phần dự kiến phát hành. Đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng đã được ĐHCĐ thường niên năm 2017 thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 88/NQ-ĐHCĐ 2017 ngày 29 tháng 04 năm 2017. Số tiền thu được từ đợt chào bán chủ yếu huy động cho dự án Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của Công ty với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt là 20 tỷ đồng. Đây là dự án có mức độ khả thi cao, khi hoàn thiện sẽ nâng cao năng lực chế tạo thiết bị kết cấu thép, giúp công ty tham gia vào lĩnh vực chế tạo bồn bể, thiết bị áp lực...

Khả năng thành công của đợt chào bán sẽ có thể chịu tác động bởi yếu tố tâm lý thị trường và tình hình của cổ phiếu tại thời điểm chào bán, tuy nhiên với mục đích sử dụng vốn rõ ràng, tiềm năng phát triển tốt của Công ty, hơn nữa số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị lên phương án phân phối cho nhà đầu tư khác với giá bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo sự thành công của đợt chào bán. Trong trường hợp đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng không huy động đủ số vốn như dự kiến, HĐQT sẽ huy động vốn từ nguồn tín dụng khác để dự án thực hiện đúng tiến độ đã đề ra.

### 5. Rủi ro pha loãng

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần - EPS (earning per share); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần - BV; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

#### ❖ *Rủi ro do pha loãng EPS*

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{\text{pha loãng}} = \frac{E}{Qbq}$$

Trong đó:

EPS<sub>pha loãng</sub>: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán thành công

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông



Qbq: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau chào bán)  
 Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

❖ *Rủi ro do pha loãng BV*

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau

$$BV = \frac{NVCSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q: Tổng số cổ phiếu đã chào bán

CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Với việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phần thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) năm 2017 có thể giảm nếu tốc độ tăng của Q cao hơn tốc độ tăng của NVCSH.

❖ *Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:*

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông đang sở hữu)

❖ *Về mức độ pha loãng của cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành*

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (PR \times I)}{1+I} = \frac{7.500 + (10.000 \times 43,54\%)}{1+43,54\%} = 8.258 \text{ VND}$$

Trong đó:

**P<sub>tc</sub>**: Giá thị trường cổ phiếu sau khi pha loãng

**PR<sub>t-1</sub>**: Giá thị trường của cổ phiếu trước khi pha loãng (tại ngày 10/4/2017)

**PR**: Giá cổ phiếu chào bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

**I**: Tỷ lệ cổ phiếu chào bán

## 6. Rủi ro quản trị công ty

Công ty là một Công ty hoạt động đa ngành với lĩnh vực cốt lõi là hoạt động gia công chế tạo và xây lắp. Dựa trên cơ sở đội ngũ quản lý có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, Công ty đã và đang dần tạo lập uy tín trên thị trường.

Đối với đợt phát hành này, Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua, cho thấy sự tin tưởng của Cổ đông và sự khả thi của phương án đề ra đối với sự phát triển của Công ty. Do vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

## **7. Rủi ro khác**

Giá cổ phiếu của Công ty không thể không tránh khỏi những biến động chung của Thị trường chứng khoán Việt Nam và Thị trường chứng khoán thế giới. Đặc biệt vì cổ phiếu đã được niêm yết, các yếu tố trên càng trở nên nhạy cảm và ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch cổ phiếu của Công ty.

Các rủi ro khác có thể kể đến như thiên tai, cháy nổ, bệnh dịch, chiến tranh... Các rủi ro này thường ít xảy ra và khó lường trước được. Công ty đã thực hiện những biện pháp phòng chống như lắp đặt các hệ thống báo cháy, chống cháy, tập huấn nhân viên phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức phát hành : Công ty cổ phần Lilama 69-2**

**Ông Trương Đức Thành** Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Ông Vũ Kế Chương** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

**Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh** Chức vụ: **Kế toán trưởng**

**Ông Nguyễn Văn Đạt** Chức vụ: **Trưởng ban kiểm soát**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### **2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán FPT**

Đại diện Tổ chức tư vấn: **Bà Nguyễn Thị Hạnh**

Chức vụ: **Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp**

*Số 112-2016/QĐ/FPTS-FHR ngày 09/12/2016 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký chào bán cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Lilama 69-2. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.

### **III. CÁC KHÁI NIỆM**

#### **Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch**

L62	Công ty Cổ phần Lilama 69-2
BKS	Ban Kiểm soát
Công ty	Công ty Cổ phần Lilama 69-2
Điều lệ	Điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 69-2
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
HD SXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
CTCP	Công ty Cổ phần
CTCK	Công ty Chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội Đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
CP	Cổ phần

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

### 1. Thông tin chung về tổ chức phát hành

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Lilama 69-2
- Giấy chứng nhận ĐKKD : 0200155547 Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 12 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 6: ngày 17 tháng 04 năm 2012



- Logo công ty : LILAMA 69-2, JSC
- Vốn điều lệ : 57.418.170.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 57.418.170.000 đồng
- Địa chỉ : Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Số điện thoại : 0225.3824761
- Số fax : 0225.3824 562
- Website : [www.lilama69-2.com.vn](http://www.lilama69-2.com.vn)
- Mã cổ phiếu : L62

#### ❖ *Ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty*

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng...

Đơn vị trực thuộc:

\* Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 – Xí nghiệp Lắp máy & Xuất nhập khẩu;

Địa chỉ: tại số 112 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng.

\* Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 – Xí nghiệp lắp máy số 2;

Địa chỉ: tại tầng II số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Tp. Hải phòng.

## **2. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần Lilama 69-2 tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69-2 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA). Được thành lập ngày 01 tháng 12 năm 1960, trụ sở chính Công ty đặt tại 26 Tân Viên – Phường Thượng Lý – Quận Hồng Bàng – TP. Hải Phòng.

Ngày 02 tháng 11 năm 2004 căn cứ quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về việc chuyển đổi Công ty lắp máy và xây dựng 69 – 2 thành Công ty cổ phần. Công ty cổ phần Lilama 69-2 được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp số 0203001155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2004 với số vốn điều lệ là 9.000.000.000 đồng. Trong đó vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 4.515.200.000 đồng (chiếm 50,17%) và phần góp

vốn của các cổ đông là 4.484.800.000 đồng (chiếm 49,83%). Theo báo cáo kiểm toán về báo cáo tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty kiểm toán và tư vấn (ACCA Group), đến ngày 30/06/2007 vốn điều lệ của công ty cổ phần Lilama 69-2 đã tăng lên 30.000.000.000 đồng (trong đó vốn nhà nước chiếm 50,17%) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ hai do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 11 tháng 06 năm 2007.

Ngày 26/03/2008 Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định số 112/QĐ – TTGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu công ty cổ phần Lilama 69-2. Ngày **21/04/2008** cổ phiếu công ty cổ phần Lilama 69-2 (L62) chính thức giao dịch trên trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (HaSTC).

Thực hiện theo nghị quyết số 37/NQĐHCHĐ ngày 18 tháng 9 năm 2009 của Đại hội cổ đông về việc phát hành thêm 1.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1. Công ty đã thực hiện xong việc tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 45.000.000.000 đồng.

Theo báo cáo kiểm toán về báo cáo tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn (ACA Group), đến ngày 31/12/2009 vốn đầu tư của Công ty cổ phần Lilama 69-2 đã tăng lên 44.808.610.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 50,38%).

Thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHCHĐ/2010 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và giấy chứng nhận số 767/UBCK-GCN của UBCK Nhà nước ngày 28/12/2010. Năm 2011 Công ty đã phát hành tăng vốn điều lệ từ 44.808.610.000 đồng lên 60.491.620.000 đồng theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1/0,35 (Mỗi cổ phiếu hiện hữu được mua thêm 0,35 cổ phiếu mới với giá 12.000đ).

Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu của Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính (IFC-ACA Group) tại Hải Phòng, đến ngày 22 tháng 04 năm 2011 vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 69-2 là 57.418.170.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 53,08% tương ứng với 3.047.807 cổ phiếu).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lại ngày 17 tháng 10 năm 2011.

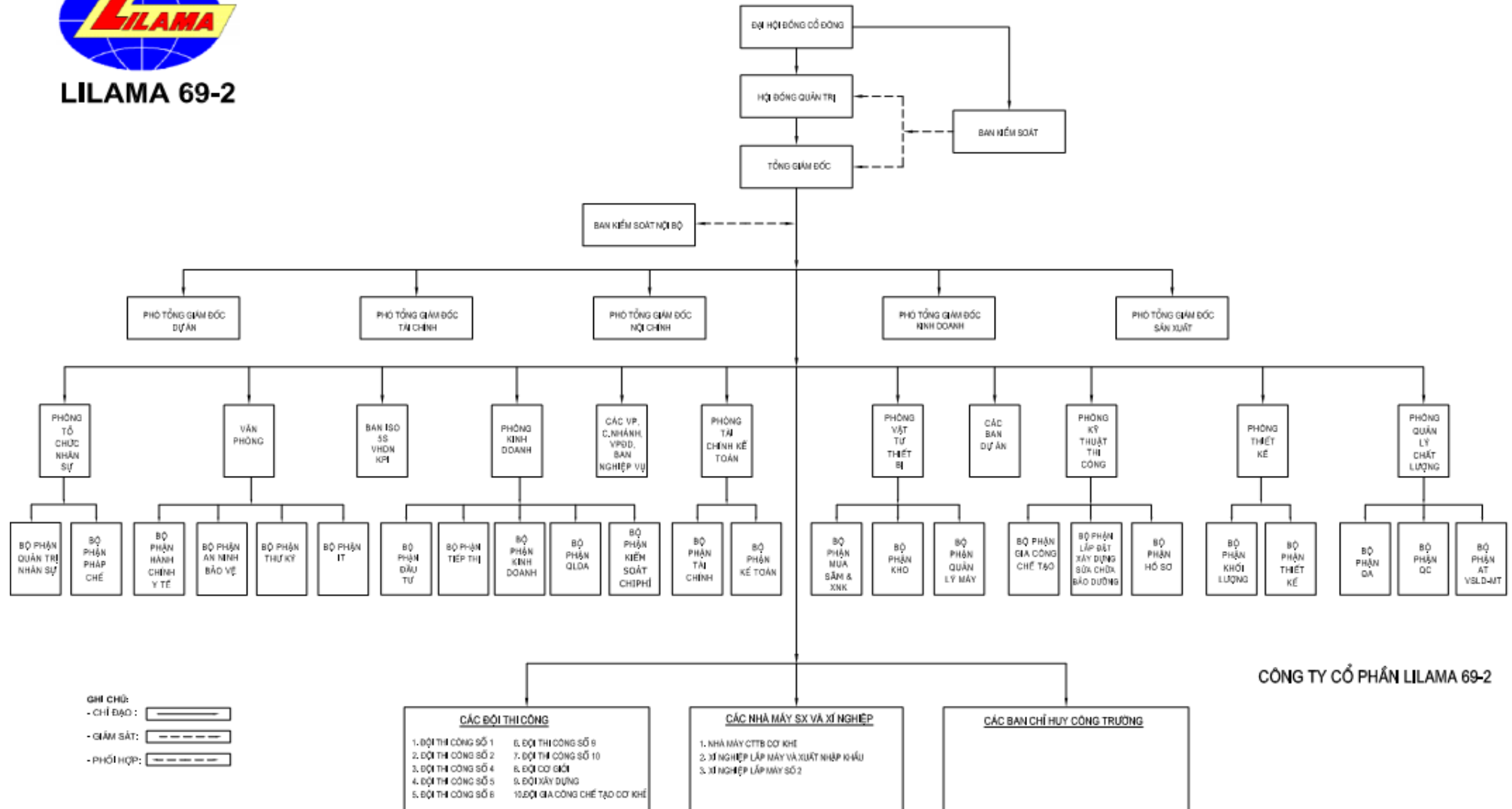
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 04 năm 2012.

### **3. Cơ cấu tổ chức công ty**

#### **Sơ Đồ 1 - Sơ đồ cơ cấu tổ chức công ty**



**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- **Hội đồng Quản trị (HĐQT):** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.
- **Ban kiểm soát (BKS):** Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

#### **4. Bộ máy quản lý**

- **Tổng giám đốc Công ty:** Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh; Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- **Phó tổng giám đốc:** Các Phó Tổng giám đốc Công ty giúp việc cho Tổng giám đốc mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- **Các phòng ban chức năng:** Do Tổng giám đốc Công ty ký quyết định thành lập trên cơ sở tờ trình được HĐQT phê duyệt, các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Tổng giám đốc các công việc thuộc phạm vi chức năng của phòng đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc thực hiện mục tiêu và chiến lược của Công ty.
- **Đơn vị trực thuộc:**

1. Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 - Xí nghiệp Lắp máy & Xuất nhập khẩu; có địa chỉ tại Số 112 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng; ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh: Kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng. Chế tạo thiết bị, sản xuất kết cấu thép, chế tạo bình, bể chịu áp lực, bồn bể chứa xăng dầu, lắp đặt thiết bị cho các công trình công nghiệp và dân dụng; xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị.

2. Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 – Xí nghiệp lắp máy số 2; có địa chỉ tại tầng II số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng; ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, sản xuất cấu kiện kim loại, cho thuê máy móc thiết bị, kinh doanh bất động sản, Phá dỡ, vận tải hàng hóa, xây dựng công trình, sản xuất hàng hóa bằng kim loại, cho thuê xe có động cơ, cung ứng nguồn lao động, xây dựng nhà, gia công cơ khí, sản xuất thiết bị nâng hạ, bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện vận tải, bốc xếp hàng hóa, sản xuất máy chuyên dụng, lắp đặt hệ thống điện...



**5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.**

**5.1. Danh sách Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn Cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại ngày 4/4/2017**

**Bảng 1 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần L62 ngày 4/4/2017**

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐK KD	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP	124 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	0100106313	3.047.807	53,08%
2	Nguyễn Văn Kỳ	Số 19 Ký Con, Hồng Bàng, Hải Phòng	030944532	717.350	12,49%
	<b>Tổng</b>			<b>3.765.157</b>	<b>65,57%</b>

**5.2. Danh sách Cổ đông sáng lập của Công ty.**

Không có

**5.3. Cơ cấu Cổ đông của Công ty ngày 4/4/2017**

**Bảng 2 - Cơ cấu cổ đông L62 ngày 4/4/2017**

*Đơn vị : 1000 đồng*

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu (CP)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>328</b>	<b>5.741.467</b>	<b>57.414.670</b>	<b>99,99%</b>
Tổ chức	15	3.243.629	32.436.290	56,49%
Cá nhân	313	2.497.838	24.978.380	43,50%
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>2</b>	<b>350</b>	<b>3.500</b>	<b>0,01%</b>
Tổ chức	0	0	0	0%
Cá nhân	2	350	3.500	0,01%
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>330</b>	<b>5.741.817</b>	<b>57.418.170</b>	<b>100%</b>

**6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà**

**tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.**

**6.1. Công ty mẹ :**

Công ty mẹ	Địa chỉ	Số CMND/ĐKK D	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty cổ phần	124 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	0100106313	3.047.807	53,08%

**6.2. Danh sách Công ty con:** Không có

**6.3. Danh sách những công ty mà L62 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có

**6.4. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với L62**

**Bảng 3 - Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối L62**

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKK D	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty cổ phần	124 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	0100106313	3.047.807	53,08 %

**7. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty**

**Bảng 4 - Quá trình tăng vốn của công ty**

*Đơn vị : 1000 đồng*

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận tăng vốn
Năm 2004	Thành lập Công ty Cổ phần		9.000.000	Cổ phần hóa	ĐKKD 0200155547 do Sở KH&ĐT Hải Phòng cấp ngày 16/12/2004
Năm 2007	Lần 1 (30/06/2007)	21.000.000	30.000.000		ĐKKD 0203001155 Do Sở KH&ĐT Hải Phòng cấp ngày 11/06/2007
Năm 2009	Lần 2 (31/12/2009)	14.808.610	44.808.610	Phát hành 1.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1	Giấy chứng nhận số 441/UBCK-GCN của UB CKNN ngày 29/10/2009
Năm 2011	Lần 3 (22/04/2011)	12.609.560	57.418.170	Phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1/0,35	Giấy chứng nhận số 767/UBCK-GCN của UB CKNN ngày 28/12/2010

**8. Hoạt động kinh doanh**

### **8.1. Lĩnh vực kinh doanh**

Xây dựng, chế tạo, lắp đặt và xây lắp điện là mảng kinh doanh truyền thống của công ty với hơn 50 năm kinh nghiệm xây dựng và phát triển, thực hiện nhiều công trình tầm cỡ và quy mô. Hợp tác sâu rộng với nhiều tập đoàn lớn trên thế giới. Các loại công trình chính của mảng này bao gồm :

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn, kết cấu thép, các loại bồn bể, các thiết bị nâng hạ, thiết bị chịu áp lực cao
- Lắp đặt hoàn thiện các công trình công nghiệp, thiết bị công nghệ, thiết bị nâng hạ, đường ống công nghệ và đường ống cấp thoát nước
- Xây lắp trạm cao thế, trung thế, hạ thế; lắp đặt và thí nghiệm các loại máy biến thế, hệ thống đường dây tải điện, điện động lực, điện điều khiển, truyền thông.

Công ty đã thực hiện hàng chục công trình trên khắp đất nước Việt Nam với các chính sách quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, dựa trên các yếu tố cơ bản và có giá trị phục vụ cho nhiệm vụ, chiến lược và mục tiêu phát triển của công ty.

Một số dự án tiêu biểu công ty tham gia thi công có thể kể đến như sau:

**- Hoàn thành toàn bộ đường ống Nhà máy Gas Việt Nhật tại DT743 Đông Tác, phường Tân Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương**

Nhà máy sản xuất Gas Việt Nhật gồm hai hệ thống đường ống: Hydrô và Nito thuộc dây chuyền sản xuất khí Hydrô và Nito của Nhà máy. Công suất hoạt động theo thiết kế của dây chuyền sản xuất khí Nito là 2400 m<sup>3</sup>/h, dây chuyền sản xuất khí Hydrô là 200 m<sup>3</sup>/h. Đây là một trong những Nhà máy sản xuất khí có quy mô lớn tại miền Nam.

**- Chế tạo, Lắp đặt hoàn thiện và chạy thử thành công Nhà máy sản xuất khí H<sub>2</sub> cho Công ty Gas Việt Nhật.**

Đây là Nhà máy sản xuất khí Hydro (H<sub>2</sub>) đầu tiên tại miền Bắc của Công ty này và cũng là một trong những Nhà máy sản xuất khí H<sub>2</sub> có quy mô lớn nhất tại miền Bắc hiện nay. Lilama 69-2 chịu trách nhiệm lắp đặt thiết bị; cung cấp vật liệu, gia công, lắp đặt giá đỡ cho toàn bộ đường ống; lắp đặt ống, van và các phụ kiện đường ống của hệ thống ống N<sub>2</sub> và hệ thống ống H<sub>2</sub>; sơn hoàn thiện đường ống; thử nghiệm đường ống và vệ sinh máy móc, thiết bị trước khi lắp đặt, sơn dặm cho nhà máy Gas của Công ty Gas Việt Nhật tại Khu công nghiệp Thăng Long II – Hưng Yên.

**- Gia công chế tạo và lắp đặt toàn bộ hệ thống cáp treo từ trụ T1 – T5, thuộc Dự án quần thể công trình du lịch, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn Fansipan Sa Pa.**

Đây là hệ thống cáp treo cao nhất, dài nhất và phức tạp nhất thế giới, lần đầu tiên được lắp đặt ở Châu Á với tiêu chí được chủ đầu tư đặt ra là đảm bảo an toàn tuyệt đối cho du khách trong mọi hoàn cảnh, thời tiết, khí hậu. Nếu như Bà Nà Hills chỉ cao hơn 1.500 mét, thì đỉnh Fansipan với độ cao 3.143 mét, có địa hình hiểm trở hơn nhiều lần, với những vách đá cheo leo dựng đứng, vực sâu hàng nghìn mét, khí hậu khắc nghiệt, sức gió mạnh và đặc biệt là sương mù bao phủ gần như quanh năm. Đây sẽ là hệ thống cáp treo vận hành liên tục với độ dài toàn

tuyến khoảng 7 km, với vận tốc 8m/s. Độ chênh tuyệt đối của ga đi và ga đến là 1.404m. Công suất vận chuyển tối đa 2.000 lượt khách mỗi giờ, với những cabin như một chiếc xe buýt nhỏ, sức chứa tới 35 khách. Hệ thống cáp treo này sẽ được lắp đặt loại hình cáp 3 dây độ dài có chiều dài 6.235m với những yêu cầu vô cùng khắt khe về kỹ thuật và sự an toàn. Cáp treo 3 dây Fansipan sẽ là cáp treo duy nhất trên thế giới không cần đến hệ thống cứu hộ thông thường, bởi trong bất cứ hoàn cảnh bất trắc nào, hệ thống này cũng sẽ đưa du khách xuống chân núi an toàn.

**- Chế tạo và lắp đặt thiết bị kết cấu thép, hệ thống đường ống cho Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn**

Lilama 69-2 chịu trách nhiệm chế tạo, lắp đặt thiết bị kết cấu thép và sơn hoàn thiện; chế tạo và lắp đặt ống gói thầu 1A Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn thuộc khu Kinh tế Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Lilama 69-2 chịu trách nhiệm toàn bộ công việc từ cung cấp nhân lực, máy thi công, vật liệu phụ đến trang thiết bị phục vụ thi công và các chi phí cần thiết khác để thực hiện Hợp đồng theo đúng yêu cầu kỹ thuật và bản vẽ thiết kế của dự án.

**- Lắp đặt thiết bị và bảo ôn Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1.**

Lilama 69-2 chịu trách nhiệm lắp đặt thiết bị lọc bụi tĩnh điện và bảo ôn tại Nhà máy, trong đó bao gồm từ việc cung cấp nhân lực, máy thi công, vật tư, vật liệu phụ, trang thiết bị phục vụ thi công cũng như các chi phí cần thiết khác

**- Dự án Cung quy hoạch hội chợ triển lãm tỉnh Quảng Ninh**

Công trình Cung quy hoạch, hội chợ và triển lãm tỉnh Quảng Ninh được xây dựng tại phường Hồng Hải, TP Hạ Long, diện tích khu đất là 62.363m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng công trình là 20.678m<sup>2</sup> chia làm 2 khối: Khối triển lãm và khối trưng bày Quy hoạch và một khu trưng bày triển lãm ngoài trời với quy mô 350 gian hàng. Diện tích xây dựng 20.678 m<sup>2</sup>, chia làm 2 khối gồm khối A và khối B. Cung quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh Quảng Ninh được giới chuyên môn đánh giá là công trình đẹp, mới, sáng tạo, độc đáo, hài hoà với không gian bên bờ Vịnh Hạ Long. LILAMA 69-2 chịu trách nhiệm thi công “Con cá heo” thuộc khu vực khối B là điểm nhấn kiến trúc nổi bật tại đây với tổng khối lượng khoảng 4000 tấn, trong đó khối lượng của Lilama 69-2 là gần 3000 tấn.

**- Ngoài ra Công ty còn quan tâm tới việc cung cấp sản phẩm cho khách hàng nước ngoài.**

Công ty đã thực hiện thành công các hợp đồng với đối tác nước ngoài như:

<i>Stt</i>	<i>Khách hàng</i>	<i>Quốc Gia</i>	<i>Sản phẩm</i>
1	Tập đoàn Alstom	Pháp, Toàn cầu	Gia công chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện, lọc bụi túi
2	Bachmann Clyde	Mỹ	Chế tạo thiết bị cơ khí, Damper
3	Nippon Steel	Nhật Bản	Chế tạo thiết bị FGD, ống công nghệ
4	Hitachi	Nhật Bản	Cung cấp vật tư và lắp đặt NM công nghiệp
5	Toyo	Thái Lan	Chế tạo thiết bị, lắp đặt NM Hóa chất

6	Kaidi	Trung Quốc	Gia công chế tạo thiết bị, FGD
7	Tập đoàn Posco	Hàn Quốc	Gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép
8	Tập đoàn Airliquide	Pháp	Gia công chế tạo, lắp đặt thiết bị các dây chuyền nhà máy khí hóa lỏng.
9	GE	Mỹ	Gia công chế tạo khung vỏ máy phát điện dùng sức gió.

Dưới bàn tay và khối óc của những người thợ Lilama 69-2 hàng trăm công trình công nghiệp, quân sự và dân dụng trên khắp mọi miền Tổ quốc đã và đang được hình thành, hoạt động hiệu quả, đem lại niềm tin cho các nhà đầu tư. Đó là thành quả xứng đáng cho những nỗ lực không ngừng của toàn thể đội ngũ CBCNV trong Công ty. Trên cơ sở của năng lực, trình độ và tâm huyết cháy bỏng trong mỗi thành viên của Công ty, cùng với khát vọng vươn cao, bay xa, đem những sản phẩm mang thương hiệu Lilama 69-2 đi khắp năm châu bốn biển, Công ty CP Lilama 69-2 cam kết sẽ làm hài lòng tất cả các đối tác trong nước và quốc tế.

### **8.2. Địa bàn hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của công ty trải dài trên địa bàn khắp cả nước và đang triển khai các hợp đồng với đối tác nước ngoài:

- Trong nước thì Công ty tập trung chính công trình ở Miền Bắc, bao gồm các tỉnh như: Lào Cai, Thái Bình, Bắc Ninh, Hòa Bình, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Nghệ An...

- Nước ngoài: Công ty đã ký kết các hợp đồng với Brunei và Myanmar...

### **8.3. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm**

#### **❖ Doanh thu theo nhóm sản phẩm**

**Bảng 5 - Báo cáo doanh thu từ lĩnh vực hoạt động qua các năm**

*Đơn vị : VND*

Nhóm sản phẩm	Năm 2015		Năm 2016		3 tháng đầu năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng %DT	Giá trị	Tỷ trọng %DT	Giá trị	Tỷ trọng %DT
Hoạt động xây lắp	305.275.189.727	93,78%	278.522.783.735	82,31%	32.008.910.779	58,08%
Bán hàng hóa, dịch vụ khác	20.249.071.693	6,22%	59.847.667.108	17,69%	23.106.046.077	41,92%
<b>Tổng</b>	<b>325.524.261.420</b>	<b>100%</b>	<b>338.370.450.843</b>	<b>100%</b>	<b>55.114.956.856</b>	<b>100%</b>

*(Nguồn : Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016, BCTC Quý I/2017)*

Tính đến hết 3 tháng năm 2017, Doanh thu của Lilama 69-2 đạt hơn 55 tỷ đồng tương đương với 16,3% doanh thu thuần năm 2016 và chỉ mới đạt 14,86% kế hoạch năm 2017. Đây là đặc trưng chung của các doanh nghiệp ngành xây lắp do thường quyết toán các công trình vào các quý cuối năm. Trong cơ cấu tổng doanh thu của Lilama 69-2 trong 3 tháng đầu năm 2017 thì hơn 58% giá trị đến từ hoạt động chính của công ty là xây lắp và doanh thu từ các hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ, hoạt động tài chính và thu nhập khác chiếm tỷ trọng hơn 41%, cao hơn rất nhiều so với tỷ trọng các năm trước.

❖ Lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm

**Bảng 6 - Cơ cấu lợi nhuận gộp các mảng kinh doanh qua các năm**

Đơn vị: VND

Lợi nhuận gộp các mảng kinh doanh	Năm 2015	Tỷ trọng (%)	Năm 2016	Tỷ trọng (%)	3 tháng đầu năm 2017	Tỷ trọng (%)
Hoạt động xây lắp	27.007.609.842	96,9%	29.794.731.333	97,8%	5.234.779.130	89,1%
Bán hàng hóa, dịch vụ khác	874.645.688	3,1%	679.454.949	2,2%	637.919.389	10,9%
<b>Tổng</b>	<b>27.882.255.530</b>	<b>100%</b>	<b>30.474.186.282</b>	<b>100%</b>	<b>5.872.698.519</b>	<b>100%</b>

(Nguồn : Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016, BCTC Quý I/2017)

Tương ứng với cơ cấu doanh thu, hoạt động xây lắp đóng vai trò chủ chốt trong kết quả lợi nhuận của công ty, tổng cộng chiếm đến 96% lợi nhuận gộp toàn công ty năm 2015 và 97,8% năm 2016. Các hoạt động bán hàng hóa và dịch vụ khác chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong cơ cấu lợi nhuận của L62, lần lượt chiếm 3,1% năm 2015 và 2,2% năm 2016 và tăng lên 10,9% năm 2017. Hết quý I năm 2017, tỷ trọng lợi nhuận gộp có sự thay đổi nhỏ do việc gia tăng cả về tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận của hoạt động bán hàng hóa và dịch vụ khác. Lợi nhuận gộp của công ty 3 tháng đầu năm đạt gần 6 tỷ đồng và công ty vẫn đang bám sát mục tiêu kế hoạch đề ra cho năm 2017.

**8.4. Báo cáo tình hình đầu tư, thực hiện dự án và hiệu quả sản xuất kinh doanh**

**8.4.1. Báo cáo tình hình đầu tư, thực hiện dự án.**

Trong năm 2016, Công ty vẫn chú trọng vào công tác đầu tư để thực hiện các dự án trong năm, cụ thể như sau:

Dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất Công ty các năm trước chuyển tiếp sang năm 2016 giá trị khoảng 5,19 tỷ đồng.

Dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất năm 2016 giá trị được Hội đồng Quản trị công ty phê duyệt là 20 tỷ đồng, (bao gồm xây dựng nhà kho sân bãi quản lý máy và cơ giới, hệ thống điện động lực, đồ bê tông bãi, nhà vệ sinh,... mua sắm một số thiết bị phục vụ thi công tại Nhà máy cũng như thiết bị phục vụ thi công một số công trình trong nước như: máy toàn đạc điện tử, máy cắt CNC, máy khoan CNC, trạm biến áp 1500KVA, máy phun sơn)

Đến hết tháng 12/2016, Công ty đã hoàn thành đầu tư xây dựng các hạng mục, mua sắm thiết bị với tổng giá trị thực hiện đạt khoảng 11,29 tỷ đồng (trong đó, 5,19 tỷ chuyển tiếp từ các năm trước sang), số còn lại đã đầu tư sẽ thực hiện thanh quyết toán năm 2017.

**8.4.2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh**

**Bảng 7 - Cơ cấu chi phí theo các loại chi phí**

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Năm 2015	Tỷ trọng	Năm 2016	Tỷ trọng	3 tháng đầu năm 2017
Chi phí giá vốn	297.642.005.890	91,84%	307.896.264.561	90,9%	49.242.258.337
Chi phí tài chính	13.244.883.303	4,09%	15.888.313.605	4,69%	2.642.278.565
Chi phí QLDN	12.575.358.895	3,88%	13.953.423.939	4,12%	2.769.605.519
Chi phí thuế TNDN	558.880.376	0,17%	936.619.564	0,28%	96.921.756

Chi phí khác	54.213.024	0,02%	44.084.706	0,01%	0
<b>Tổng</b>	<b>324.075.341.488</b>	<b>100%</b>	<b>338.718.706.375</b>	<b>100%</b>	<b>54.751.064.177</b>

(Nguồn : Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016, BCTC Quý I/2017 L62)

Chi phí giá vốn đóng vai trò quan trọng nhất trong tổng chi phí kinh doanh của công ty, tỷ trọng có xu hướng giảm nhẹ từ năm 2015 đến 2016, chủ yếu đến từ mảng chi phí giá vốn của hoạt động xây lắp. Công ty không có chi phí bán hàng, do công ty tập trung chuyên sâu vào mảng kinh doanh cốt lõi là Xây lắp, không kinh doanh bất động sản. Bên cạnh các loại chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trên tổng chi phí. Công ty duy trì tình hình tài chính ổn định và hợp lý để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **8.5. Kỹ thuật công nghệ**

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty liên tục được đào tạo bổ sung nghiệp vụ và học tập nâng cao kiến thức chuyên sâu. Công tác quản lý kỹ thuật, hướng dẫn vận hành máy móc, thiết bị, bảo dưỡng định kỳ được quản lý khoa học và hiệu quả. Việc nghiệm thu bàn giao công trình, hoàn công, thanh toán thu hồi vốn các công trình đều được thực hiện đúng tiến độ kế hoạch của Công ty, mang lại uy tín cao Lilama 69-2 trong các lĩnh vực hoạt động. Cán bộ công ty luôn duy trì nền nếp làm việc, làm đúng ngay từ đầu và lần sau tốt hơn lần trước để sản phẩm làm ra kịp tiến độ, có kỹ thuật – mỹ thuật với giá thành tốt nhất đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư.

Lilama 69-2 áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2008.

### **8.6. Hoạt động Marketing**

Có lĩnh vực kinh doanh cốt lõi mang tính đặc thù cao: Chế tạo gia công các thiết bị tiêu chuẩn, kết cấu thép; xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, các hệ thống điện. Lilama 69-2 định hướng xây dựng hình ảnh và uy tín của Công ty trên cơ sở chứng minh năng lực vượt trội của mình, đồng thời Công ty Lilama 69-2 theo đuổi những mục tiêu trong lĩnh vực quản lý chất lượng:

- Các dịch vụ của Công ty tuyệt đối tuân thủ theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế cũng như các yêu cầu kỹ thuật.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng của dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Tính hiệu quả chi phí của dịch vụ khi so sánh với các Công ty khác trên thị trường.
- Phát triển và áp dụng các dịch vụ mới đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Liên tục giám sát phản hồi và khiếu nại của khách hàng và không để khách hàng khiếu nại.

#### **Công ty đề ra các chiến lược để đạt được những mục tiêu như sau:**

- Tập trung vào quá trình quản lý và liên tục cải tiến dịch vụ của Công ty (theo yêu cầu của khách hàng).
- Áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2008.
- Đáp ứng các yêu cầu của khách hàng đối với tất cả các dịch vụ. Đáp ứng yêu cầu của khách

hàng trong thời gian ngắn nhất.

- Hiểu rõ nhu cầu của khách hàng, các yêu cầu cụ thể hiện tại và tương lai.
- Tiếp tục hợp tác với khách hàng để hiểu rõ nhu cầu của họ.
- Chính sách ưu tiên của quản lý chất lượng là “Nhân sự - Công nghệ - Tổ chức”.
- Tuyệt đối đảm bảo chất lượng trong tất cả các giai đoạn cung cấp dịch vụ, trách nhiệm rõ ràng của nhân sự đối với việc đảm bảo chất lượng.
- Duy trì huấn luyện nhân sự trong lĩnh vực chất lượng, mỗi nhân sự tham gia cải tiến dịch vụ sẽ được khen thưởng về cải tiến chất lượng.

### 8.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của Công ty như sau :



### 8.8. Một số hợp đồng đã và đang được thực hiện

**Bảng 8 – Một số hợp đồng đã và đang thực hiện của công ty**

STT	TÊN HỢP ĐỒNG	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (VND)	THỜI ĐIỂM KÝ KẾT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1	Lắp đặt thiết bị và bảo ôn - Dự án NM Mông Dương, Quảng Ninh	56.087.020.000	31/1/2013	Theo hợp đồng chính	Lắp đặt Thiết bị
2	Lắp dựng giàn không gian - DA Fomosa Hà Tĩnh	30.633.554600	08/1/2014	10 tháng	Lắp đặt Kết cấu thép
3	Chế tạo và lắp đặt thiết bị, KCT ga đến - Dự án Fansipan Sapa, Lào Cai	28.545.619.300	20/12/2014	180 ngày	Chế tạo và lắp đặt Thiết bị, Kết cấu thép
4	Chế tạo và lắp đặt thiết bị, KCT ga đi - Dự án Fansipan Sapa, Lào Cai	26.061.255.203	20/12/2014	180 ngày	Chế tạo và lắp đặt Thiết bị, Kết cấu thép
5	Chế tạo và lắp đặt KCT, TB - Dự án NM Lọc hóa dầu Nghi Sơn	83.580.369.143	14/11/2014	Theo hợp đồng chính	Chế tạo Ống và lắp đặt Kết cấu thép, thiết bị
6	Chế tạo thiết bị Dự án BARH STPP B553*660MW	28.807.299.840	28/06/2013	5 tháng	Chế tạo Kết cấu thép
7	Chế tạo thiết bị và kết cấu thép - Nhiệt điện Thái Bình 2	37.035.015.890	24/7/2014	13 tháng	Chế tạo Kết cấu thép



STT	TÊN HỢP ĐỒNG	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (VND)	THỜI ĐIỂM KÝ KẾT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
8	Tháo dỡ và lắp đặt thiết bị, đường ống từ KCN Phú Mỹ 1, Vận chuyển, LD tại KCN Yên Phong	37.325.669.799	27/05/2015	4 tháng	Tháo dỡ, lắp đặt bồn
9	Trung tu hệ thống hoá chất Nhà máy 330 MW - DA Nhà máy Nhiệt điện Ung Bí	2.075.378.000	04/3/2015	65 ngày	Sửa chữa
10	Lắp dựng KCT - DA Cung quy hoạch, hội chợ và triển lãm tỉnh Quảng Ninh	42.920.018.000	25/3/2015	190 ngày	Lắp đặt Kết cấu thép
11	Gia công chế tạo ống làm mát - Dự án NMNĐ Thái Bình 2	26.835.757.982	22/4/2015	5 tháng	Chế tạo Ống
12	Chế tạo vòm cầu nhịp 4 - Dự án: Cầu Niệm	5.494.500.000	29/5/2015	3 tháng	Chế tạo Kết cấu thép
13	Chế tạo Lắp dựng Monorail - Dự án Công viên Đại dương Hạ Long	18.982.976.603	19/2/2016	115 ngày	Chế tạo và Lắp đặt Kết cấu thép
14	Gia công chế tạo kết cấu trụ tròn, trụ lưới của dự án Bà Nà 4&5 - Sun Grup - Đà Nẵng	28.985.550.000	10/4/2016	165 ngày	Chế tạo Kết cấu thép
15	Gia công chế tạo và vận chuyển kết cấu thép tuyến cáp kéo từ khách sạn Accor lên nhà ga Fansipan Sapa xây dựng công nghiệp	69.598.930.000	15/12/2016	180 ngày	Gia công chế tạo và Lắp đặt Kết cấu thép
16	Cung cấp vật liệu bảo ôn cách nhiệt cho dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 – Tổng công ty CP XL dầu khí Việt Nam (PVC)	55.528.596.075	16/01/2017	120 ngày	Gia công khung đỡ và cung cấp vật liệu bảo ôn

## 9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

### 9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

**Bảng 1 - Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất**

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng. giảm	3 tháng đầu năm 2017
Tổng giá trị tài sản	428.509.049.783	517.417.316.705	20,75%	535.868.366.341
Doanh thu thuần	325.524.261.420	338.370.450.843	3,95%	55.114.956.856
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	2.966.920.991	923.544.082	-68,87%	477.508.781
Lợi nhuận khác	38.150.536	3.908.792.421	10,145%	7.100.000
Lợi nhuận trước thuế	3.005.071.527	4.832.336.503	60,81%	484.608.781
Lợi nhuận sau thuế	2.446.191.151	3.895.716.939	59,26%	387.687.025

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%	0%
----------------------------	----	----	----	----

(Nguồn: Báo cáo Tài chính kiểm toán 2016, BCTC Quý I/2017 của CTCP Lilama 69-2)

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 so với năm 2015 tăng 1,450 tỷ đồng, tương đương 59,26%. Đây là mức tăng trưởng ấn tượng so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Tuy vậy, lợi nhuận của công ty năm 2016 chủ yếu đến từ nguồn lợi nhuận khác, trong khi lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chính giảm tới gần 69% so với cùng kỳ năm 2015.

## **9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo.**

### *9.2.1. Thị trường*

Tình hình kinh tế đất nước đang từng bước được cải thiện, nhu cầu về các công trình công nghiệp ngày một gia tăng, bên cạnh đó là nhu cầu về điện ngày càng gia tăng là những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho công ty phát triển trong thời gian tới. Chính phủ đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào hệ thống trạm biến áp, truyền tải điện trong những năm qua. Là một trong những doanh nghiệp tiêu biểu trong hoạt động thi công và xây lắp, đây là thị trường tiềm năng, mang lại nhiều cơ hội cho L62.

Mặt khác, Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với hàng loạt hiệp định thương mại quốc tế đã, đang và sẽ có hiệu lực trong thời gian tới như WTO. Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP, các hiệp định thương mại tự do FTAs... kết hợp với sự ổn định chính trị xã hội đã ngày càng thu hút thêm nhiều doanh nghiệp nước ngoài hợp tác làm ăn, triển khai hoạt động ở Việt Nam. Dù gặp những khó khăn như các chủ đầu tư ngày càng có yêu cầu năng lực khắt khe đối với nhà thầu nhưng công ty đã nỗ lực làm tốt công tác thị trường với việc ký kết nhiều hợp đồng có giá trị với các đối tác ở trong và ngoài nước như: Công ty TNHH Air liquide Việt Nam Công ty CP thiết kế công nghiệp hóa chất; Công ty TNHH Olympia; Wuhan Kaidi Electric Power Environmental Co.,Ltd; Alstom; các đối tác từ Đài Loan, Nhật Bản, Hoa Kỳ.... bên cạnh đó công ty đã hợp tác với các đơn vị tổng thầu EPC để nhận việc như: Tổng công ty lắp máy Việt Nam,..... Năng lực và uy tín của công ty ngày một được nâng cao, cán bộ trưởng thành qua từng dự án.

Bên cạnh đó công ty cũng đồng thời phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách hơn. Ngoài sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành trong nước, thì đã xuất hiện sự cạnh tranh của các nhà thầu nước ngoài với lợi thế về mọi mặt đã lấn át nhiều nhà thầu trong nước. Để đảm bảo sự cạnh tranh trong công tác đấu thầu, công ty đã tiến hành điều chỉnh giảm giá thầu nhiều dự án.

### *9.2.2. Nguyên vật liệu*

Thép là nguyên liệu đầu vào chủ yếu trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Đặc biệt là từ năm 2015, công ty tập trung mạnh đi sâu vào mảng gia công chế tạo Do vậy nguồn giá trị vật tư cần huy động tương đối nhiều, dẫn tới sự gia tăng về tồn kho của công ty tăng lên.

Các thống kê của Hiệp hội Thép Việt Nam cho thấy, điểm nổi bật trong năm 2016 này là tốc độ tăng trưởng thép xây dựng, mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn (gần 50%) trong tất cả các loại sản phẩm thép của nước ta, đạt mức cao so với các năm trước, đạt hơn 8,5 triệu tấn, tăng 18,3%

về sản xuất và đạt hơn 8,4 triệu tấn, tăng 20,6% về bán hàng. Tuy nhiên, so với công suất lắp đặt, lượng thép sản xuất mới chiếm khoảng 50%. Mặt bằng giá thép đã giảm khoảng trong năm vừa qua. Trong khi các chi phí sản xuất khác như khấu hao, nhân công được duy trì ổn định thì xu hướng giảm của giá thép đầu vào đã giúp cho Công ty có những lợi thế nhất định trong hoạt động thi công sản xuất công nghiệp.

## **10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### *10.1. Vị thế của công ty trong ngành.*

Qua hơn 55 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển. Công ty Cổ phần LILAMA 69-2 đã đạt được nhiều thành tích to lớn góp phần vào sự công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, được Đảng, Nhà nước và Chính Phủ trao tặng nhiều phần thưởng cao quý:

- 01 Huân chương Lao động hạng nhất
- 01 Huân chương Lao động hạng nhì
- 03 Huân chương Lao động hạng 3
- 02 lần được tặng Huy chương vàng chất lượng cao ngành xây dựng

Cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

Lilama 69-2 đã trở thành một thương hiệu mạnh của ngành lắp máy trên phạm vi trong nước và quốc tế. Tên tuổi Lilama 69-2 được gây dựng và ghi dấu đậm nét qua hàng loạt công trình trọng điểm của quốc gia thuộc các lĩnh vực: xi măng, nhiệt điện, thủy điện, hóa chất, khí công nghiệp, công trình điện, công trình dân dụng và quân sự.... Trong đó, không thể không kể đến một số công trình công nghiệp quan trọng, như: Nhà máy xi măng Hải Phòng, xi măng Bỉm Sơn, xi măng Nghi Sơn; xi măng Chinfon; thủy điện Sơn La; nhiệt điện Phả Lại, nhiệt điện Ung Bí, nhiệt điện Vũng Áng 1; hóa chất SOFT, DASO, DAP – Đình Vũ; nhà máy giấy Bãi Bằng, nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ; cải tạo hệ thống lưới điện 3 thành phố Hà Nội-Hải phòng-Nam Định của ADB,... Tạo được vị thế và thương hiệu vững chắc tại thị trường Việt Nam. Lilama 69-2 đã từng bước vươn mình ra thị trường quốc tế. Nhiều sản phẩm của Công ty, đặc biệt là thiết bị lọc bụi đã xâm nhập sâu vào thị trường nước ngoài, trong đó có cả những thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc, Bắc Âu.... Lilama 69-2 đã trở thành đối tác tin cậy của nhiều tập đoàn đa quốc gia hàng đầu thế giới như: tập đoàn toàn cầu ALSTOM, NIPPON STEEL ENGINEERING, GE, EBARA, HITACHI, TORISHIMA....

Với các đơn vị trực thuộc là: Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi ở An Lão – Hải Phòng. Xí nghiệp Lắp máy & Xuất nhập khẩu và Xí nghiệp lắp máy số 2 cùng hàng chục đội công trình đang thi công các dự án trên phạm vi toàn quốc, bên cạnh đó là hệ thống máy móc trang thiết bị hiện đại, mỗi năm Lilama 69-2 có khả năng gia công, chế tạo và cung cấp hàng chục nghìn tấn thiết bị kết cấu thép phục vụ cho các công trình trong nước và xuất khẩu. Vững vàng trong nghề lắp máy truyền thống, linh hoạt sáng tạo trong cơ chế thị trường và đột phá trong các lĩnh vực kinh doanh mới như chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn cho các nhà máy công nghiệp, chế tạo thiết bị bên trong lọc bụi tĩnh điện, thi công trọn gói công trình từ xây dựng đến lắp đặt và đưa vào chạy thử. Công ty Cổ phần Lilama 69-2 đã để lại dấu ấn và vị thế vững chắc trên những công trình đã thi công.

### *10.2. Triển vọng phát triển ngành.*

Ngành xây dựng tiếp tục có những tín hiệu phục hồi khả quan. Theo Tổng cục thống kê, giá trị sản xuất xây dựng năm 2016 theo giá hiện hành ước tính đạt 1,08 triệu tỉ đồng. Nếu tính theo giá so sánh 2010, giá trị sản xuất xây dựng năm 2016 ước tính tăng 10,1% so với năm 2015. Bên cạnh thị trường bất động sản dần phục hồi, dòng vốn FDI tăng tích cực sau khi Việt Nam tham gia ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do, dòng tiền này sẽ tiếp tục hỗ trợ phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các nhà máy và khu công nghiệp.

Năm 2016, đầu tư ngành điện tiếp tục tăng trưởng. khả năng cung cấp điện và đáp ứng tài chính của EVN được đảm bảo. Đầu tư các nhà máy điện và một số khu công nghiệp lớn vẫn tiếp tục tăng trưởng.

Bên cạnh đó, hoạt động tín dụng ngân hàng ổn định, lãi suất và tỷ giá được ngân hàng nhà nước tập trung điều hành đảm bảo và có nhiều ưu đãi cho sản xuất kinh doanh và đầu tư dự án.

### *10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.*

Chiến lược phát triển của Công ty được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của Tổng công ty lắp máy Việt Nam – CTCP (LILAMA), của ngành cũng như chính sách của Nhà nước. Trong đó định hướng xây dựng và phát triển công ty thành một đơn vị xây lắp chuyên ngành mạnh, có khả năng thi công trọn gói các công trình ở trong nước, tiếp tục phát triển các sản phẩm gia công chế tạo xuất khẩu đi các nước. Đồng thời đáp ứng mục tiêu kết quả sản xuất kinh doanh không ngừng phát triển, tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động, bảo toàn và phát huy nguồn vốn của các cổ đông, thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước, Phát huy thị trường truyền thống và tích cực mở rộng quan hệ với các chủ đầu tư mới để đảm bảo việc làm cho CBCNV.

**Chiến lược trung, dài hạn:** Tiếp tục giữ vững là doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam trong lĩnh vực chế tạo cơ khí xuất khẩu và lắp đặt các công trình trọng điểm, vui chơi giải trí.

**Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty:** Công ty đảm bảo cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi yêu cầu về môi trường theo đúng luật môi trường hiện hành. Trang bị đầy đủ công cụ, bảo hộ lao động cho CBCNV, thường xuyên tổ chức huấn luyện cho CBCNV về công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Tiếp tục phát huy truyền thống cao quý như quan tâm giúp đỡ tới các gia đình chính sách, tổ chức thăm hỏi các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, khuyến khích động viên tích cực các cháu con em trong ngành chăm ngoan học giỏi. Ngoài ra công ty còn tham gia tích cực vào các hoạt động phong trào của địa phương.

## **11. Chính sách đối với người lao động.**

### *11.1. Cơ cấu lao động trong công ty*

Tổng số cán bộ, nhân viên của công ty tại 31/3/2017 là: 1.000 người

**Bảng 2 - Cơ cấu lao động công ty ngày 31/3/2017**

<b>Trình độ</b>	<b>Số lượng 31/3/2017</b>
1. Trên đại học	02
2. Đại học	120
3. Cao đẳng	35

4. Trung cấp	843
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.000</b>

*Nguồn: Công ty CP Lilama 69-2*

Với bề dày trong ngành xây lắp, L62 sở hữu lực lượng lao động được đào tạo bài bản có kinh nghiệm thực tiễn và có ý thức tổ chức, kỷ luật cao. Đội ngũ lãnh đạo điều hành Công ty là những người chuyên nghiệp, có năng lực lãnh đạo và chuyên môn, có uy tín và trải nghiệm trong ngành xây lắp. Đội ngũ công nhân thi công các dự án có năng lực nghiệp vụ tốt, đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình.

#### 11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.

Thu nhập người lao động tiếp tục được nâng cao, thu nhập bình quân năm 2016 toàn Công ty đạt 7.800.000 đồng/ người/ tháng.

Công tác tuyển dụng, đào tạo được chú trọng nhằm hướng tới chất lượng nguồn nhân lực. Phong trào thi đua, công tác thi đua khen thưởng tiếp tục được phát triển. Bên cạnh đó, Công ty cũng hoàn thiện việc xây dựng các tiêu chí đánh giá các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng phù hợp, tạo động lực cho CBCNV tích cực tham gia đóng góp vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; chú trọng tăng cường hoạt động của Hội đồng xét duyệt sáng kiến, nhằm khen thưởng kịp thời những cá nhân có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý áp dụng vào sản xuất, quản lý của đơn vị. Công ty trang bị đầy đủ công cụ, bảo hộ lao động cho CBCNV, thường xuyên tổ chức huấn luyện cho CBCNV về công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

## 12. Chính sách cổ tức

**Bảng 31 - Tỷ lệ cổ tức qua các năm**

	2014	2015	2016
Tỷ lệ cổ tức (% Vốn điều lệ)	0%	0%	0%

*Nguồn: CTCP Lilama 69-2*

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định. Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới. Trong những năm vừa qua, do tập trung vào việc khắc phục những khó khăn nội tại và đầu tư mới nhằm nâng cao năng lực sản xuất, công ty không thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông.

## 13. Tình hình tài chính.

### 13.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### a) Vốn điều lệ, nguồn vốn kinh doanh

##### ❖ Vốn điều lệ

**Bảng 12 – Vốn điều lệ qua các năm**

Năm	Vốn điều lệ (VND)
2004	9.000.000.000
2007	30.000.000.000
2009	44.808.610.000
2011 – Nay	57.418.170.000

*Nguồn: Lilama 69-2*

#### ❖ Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được lấy từ nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối. Nguồn vốn chủ sở hữu của Lilama 69-2 qua các năm từ 2015 đến nay có sự gia tăng không đáng kể, chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại. Công ty không huy động thêm nguồn vốn từ cổ đông trong các năm 2015 và 2016. Chi tiết nguồn vốn chủ sở hữu của công ty như sau :

**Bảng 4 - Tình hình vốn kinh doanh qua các năm**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31-12-2015	31-12-2016	31-3-2017
<b>Tổng cộng</b>	<b>92.884.025.839</b>	<b>96.549.047.778</b>	<b>96.936.734.803</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	57.418.170.000	57.418.170.000	57.418.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	12.897.222.273	12.897.222.273	12.897.222.273
Quỹ đầu tư phát triển	18.596.906.316	18.827.601.316	18.827.601.316
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.410.200.421	1.487.098.421	1.487.098.421
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.561.526.829	5.918.955.768	6.306.642.793

*(Nguồn : BCTC đã được Kiểm toán năm 2016, BCTC Quý I/2017 của CTCP Lilama 69-2)*

#### ❖ Tài sản.

**Bảng 5 - Tình hình tài sản công ty từ 2015 – 31/03/2017**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31-12-2015	31-12-2016	31-3-2017
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>328.282.516.219</b>	<b>418.857.452.758</b>	<b>438.699.215.171</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.413.907.197	3.119.137.379	6.035.373.072
Các khoản phải thu ngắn hạn	213.120.702.858	280.200.494.380	274.701.850.757
Hàng tồn kho	90.842.561.421	134.785.880.112	154.030.906.913
Tài sản ngắn hạn khác	645.176.127	751.940.887	3.931.084.429
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>95.486.702.180</b>	<b>98.559.863.947</b>	<b>97.169.151.170</b>
Các khoản phải thu dài hạn	2.055.901.363	2.075.220.465	2.067.473.233
Tài sản cố định	82.919.413.529	85.371.744.782	83.169.234.605
Tài sản dở dang dài hạn	4.840.354.281	5.155.778.781	6.123.227.726
Tài sản dài hạn khác	5.671.033.007	5.957.119.919	5.809.215.606
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>428.509.049.783</b>	<b>517.417.316.705</b>	<b>535.868.366.341</b>

*(Nguồn : BCTC đã được Kiểm toán năm 2016, BCTC 3 tháng đầu năm 2017 của CTCP Lilama 69-2)*

Tổng tài sản năm 2016 tăng 20,7% so với năm 2015. Các khoản phải thu ngắn hạn chiếm gần 54% trong cơ cấu Tài sản năm 2016, tăng không đáng kể so với 50% của năm 2015, nhưng về giá trị lại có sự tăng lên. Bên cạnh đó Hàng tồn kho cũng có sự gia tăng về số lượng khi chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công ty tăng lên. Công ty không có trường hợp nào bị nợ đọng, nợ xấu, dòng tiền vẫn được duy trì. Đối với Tài sản dài hạn, Chi phí xây dựng dở dang có tăng lên do một số dự án vẫn đang được thực hiện.

### **b) Trích khấu hao Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### ***Nguyên giá***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

#### ***Khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Thay đổi và áp dụng theo Thông tư số: 45/2013/TT-BTC, ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

#### ***Nguyên giá***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn khi được giao đất hoặc số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

#### ***Khấu hao***

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất có thời hạn Số năm  
50

**c) Mức lương bình quân.**

Mức lương bình quân của công ty trong năm 2016 là 7.800.000 đồng/người/tháng đạt 104% so với kế hoạch và 113,9% so với năm 2015

**d) Thanh toán các khoản nợ đến hạn.**

Công ty thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ đến hạn, không có nợ quá hạn tính đến thời điểm 31/3/2017 và thời điểm lập Bản cáo bạch này.

**e) Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, thực hiện nộp đúng và đủ các loại thuế.

**Bảng 15 - Các khoản phải nộp theo luật định**

*Đơn vị: VND*

Chỉ tiêu	31-12-2015	31-12-2016	31-3-2017
Thuế Giá trị gia tăng	25.747.772.413	21.010.359.703	15.792.761.868
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.592.536.314	3.253.659.500	3.074.885.704
Thuế Thu nhập cá nhân	1.222.711.625	416.338.864	273.496.050
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	-
Các loại thuế khác	2.747.981	2.747.981	2.747.981
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.565.768.333</b>	<b>24.683.106.048</b>	<b>19.151.982.512</b>

*(Nguồn : BCTC đã được Kiểm toán năm 2016, BCTC 3 tháng đầu năm 2017 của CTCP Lilama 69-2)*

**f) Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty đã trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

**Bảng 6 - Trích lập các quỹ theo luật định**

*Đơn vị : VND*

Chỉ tiêu	31-12-2015	31-12-2016	31-3-2017
Quỹ đầu tư phát triển	18.596.906.316	18.827.601.316	18.827.601.316
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở	1.410.200.421	1.487.098.421	1.487.098.421
Quỹ khen thưởng phúc lợi	249.902.469	172.797.469	172.797.469
<b>Tổng</b>	<b>20.257.009.206</b>	<b>20.487.503.206</b>	<b>20.487.497.206</b>

*(Nguồn : BCTC đã được Kiểm toán năm 2015, BCTC 9 tháng 2016 của CTCP Lilama 69-2)*

**g) Tổng dư nợ vay.**

Công ty không có nợ vay quá hạn tại ngày 31/12/2016 và ngày 31/3/2017



❖ **Vay và nợ ngắn hạn**

**Bảng 7 - Vay và nợ ngắn hạn**

Đơn vị: VND

<b>Đối tượng</b>	<b>31-12-2015</b>	<b>31-12-2016</b>	<b>3 tháng đầu năm 2017</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng	69.994.065.789	80.805.991.967	92.873.815.307
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hải Phòng	-	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình	50.703.192.486	107.494.175.004	91.657.056.403
Ngân hàng TMCP Quân Đội	6.788.531.193	-	10.021.786.781
Vay Cá nhân	9.314.600.000	3.814.600.000	3.814.600.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>136.800.389.468</b>	<b>192.114.766.971</b>	<b>198.367.258.491</b>

(Nguồn : BCTC đã được Kiểm toán năm 2016, BCTC 3 tháng đầu năm 2017 của CTCP Lilama 69-2)

❖ **Vay, nợ dài hạn và thuê tài chính**

**Bảng 18 - Vay dài hạn và Nợ, thuê tài chính**

Đơn vị: VND

<b>Đối tượng</b>	<b>31-12-2015</b>	<b>31-12-2016</b>	<b>3 tháng đầu năm 2017</b>
<b>Vay Dài hạn</b>	<b>25.741.914.804</b>	<b>24.237.898.628</b>	<b>24.749.234.828</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội - CN Hải Phòng	24.085.185.204	19.885.185.206	19.885.185.206
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng	1.656.729.600	4.352.713.422	4.864.049.622
<b>Thuê tài chính</b>	<b>1.085.438.672</b>	<b>1.326.063.991</b>	<b>1.196.253.322</b>
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	1.085.438.672	1.326.063.991	1.196.253.322

(Nguồn : BCTC đã được Kiểm toán năm 2016, BCTC 3 tháng đầu năm 2017 của CTCP Lilama 69-2)

Các khoản vay dài hạn của Lilama 69-2 gồm 2 khoản vay của ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội-CN Hải Phòng và của ngân hàng TMCP Quân đội-CN Hải Phòng, cả hai khoản vay đều có tài sản đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay

và vẫn đang trong thời hạn cho vay. Bên cạnh đó Công ty có sử dụng công cụ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh, và hiện tại vẫn đang trong thời hạn vay.

**h) Tình hình công nợ hiện nay**

❖ **Nợ phải thu**

**Bảng 19 - Các khoản nợ phải thu**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31-12-2015	31-12-2016	31-3-2017
<b>Ngắn hạn</b>	<b>213.120.702.858</b>	<b>280.200.494.380</b>	<b>274.701.850.757</b>
Phải thu của khách hàng	201.285.376.210	256.554.004.012	221.612.911.516
Trả trước cho người bán	3.435.042.995	15.228.432.534	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15.578.134.274	15.831.090.273	41.573.374.278
Dự phòng khó đòi	(7.413.032.439)	(7.413.032.439)	(7.413.032.439)
Tài sản thiếu chờ xử lý	235.181.818	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.055.901.363</b>	<b>2.075.220.465</b>	<b>2.067.473.233</b>
Phải thu dài hạn khác	2.055.901.363	2.075.220.465	2.067.473.233

(Nguồn : BCTC đã được Kiểm toán năm 2016.  
BCTC 3 tháng đầu năm 2017 của CTCP Lilama 69-2)

❖ **Nợ phải trả**

**Bảng 20 - Các khoản nợ phải trả**

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	31-12-2015	31-12-2016	31-3-2017
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>308.797.670.468</b>	<b>395.304.306.308</b>	<b>412.986.143.388</b>
Phải trả người bán	107.274.779.447	117.378.437.839	98.563.839.347
Người mua trả tiền trước	7.088.697.406	14.407.875.855	66.915.716.351
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30.565.768.333	24.683.106.048	19.143.891.603
Phải trả người lao động	8.332.609.037	17.876.215.451	10.443.038.269
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.821.483.725	4.886.975.430	4.062.368.307
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	8.150.901.081	285.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16.664.040.583	15.633.230.164	15.032.233.551
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	136.800.389.468	192.114.766.971	98.367.258.491
Quỹ khen thưởng phúc lợi	249.902.469	172.797.469	172.797.469

<b>Nợ dài hạn</b>	<b>26.827.353.476</b>	<b>25.563.962.619</b>	<b>25.945.488.150</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	26.827.353.476	25.563.962.619	25.945.488.150
<b>Tổng</b>	<b>335.625.023.944</b>	<b>420.868.268.927</b>	<b>438.931.631.538</b>

(Nguồn : BCTC đã được Kiểm toán năm 2016, BCTC 3 tháng đầu năm 2017 của L62)

### 13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 21- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2016</b>
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	1,08	1,06
- Hệ số thanh toán nhanh (=(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	0,78	0,72
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
- Hệ số nợ/tổng tài sản	0,78	0,81
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	3,61	4,36
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
- Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq)	4,18	2,73
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,76	0,65
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
8- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,75%	1,15%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	2,63%	4,03%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	0,57%	0,75%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	0,91%	0,27%

(Nguồn : BCTC đã được Kiểm toán năm 2016)

### 14. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

#### 14.1. Hội đồng quản trị

**Bảng 22 – Danh sách thành viên hội đồng quản trị**

<b>STT</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>CHỨC VỤ</b>
<b>1</b>	<b>Ông Trương Đức Thành</b>	<b>Chủ tịch HĐQT</b>
<b>2</b>	<b>Ông Vũ Kế Chương</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>
<b>3</b>	<b>Ông Trần Xuân Trường</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>
<b>4</b>	<b>Bà Lê Thị Minh</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>
<b>5</b>	<b>Đỗ Tiến Thành</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>

#### 1. Ông Trương Đức Thành – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	: TRƯƠNG ĐỨC THÀNH.
Giới tính	: Nam.
Ngày sinh	: 08/8/1973.

Quốc tịch	: Việt Nam.
Số CMND	: 031 891 583.
Ngày cấp, nơi cấp	: 31/5/2011 - Công an Thành phố Hải Phòng.
Dân tộc	: Kinh.
Địa chỉ thường trú	: Trang Quan, An Đồng, An Dương, Hải Phòng.
Trình độ văn hóa	: 12/12.
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Điện.
Quá trình công tác	:
Từ tháng 01/1997 đến tháng 12/1999	: Cán bộ kỹ thuật - Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2.
Từ tháng 01/2000 đến tháng 8/2009	: Đội trưởng sản xuất - Công ty CTTB và đóng tàu HP Phó phòng Kinh tế kỹ thuật - Công ty CTTB và đóng tàu Hải Phòng.
Từ tháng 8/2009 đến tháng 5/2010	: Phó phòng Dự án, Giám đốc Ban thủy điện - Công ty cổ phần LISEMCO 2.
Từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2012	: Trưởng phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Dự án, Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần LISEMCO 5.
Từ tháng 6/2012 đến tháng 12/2015	: Trưởng Phòng Kinh doanh, Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần LILAMA 69-2.
Từ tháng 01/2016 đến tháng 4/2016	: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần LILAMA 69-2.
Từ tháng 4/2016 đến nay	: Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần LILAMA 69-2.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	: Chủ tịch HĐQT.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không.
Số cổ phần đang nắm giữ	: Đại diện sở hữu 1.148.364 Cổ phần của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP, chiếm tỷ lệ 20%.
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	: Không.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	: Không.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	: Không.
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	: Không.
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	: Không.

## 2. Ông Vũ Kế Chương – Thành viên HĐQT

Họ và tên	: VŨ KẾ CHƯƠNG
Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 17/9/1975
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 0310 750 0414
Ngày cấp, nơi cấp	: 14/10/2014 - Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: TỔ 10A, Gò Công 2, Phù Liễn, Kiến An, TP Hải Phòng
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Kinh tế, Kỹ sư Máy tàu thủy
Quá trình công tác	:
Từ tháng 8/1997 đến tháng 10/1999	: Cán bộ kỹ thuật - Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2
Từ tháng 11/1999 đến tháng 02/2004	: Đội trưởng sản xuất - Công ty CTTB và đóng tàu Hải Phòng
Từ tháng 3/2004 đến tháng 01/2006	: Giám đốc - Xí nghiệp đóng tàu Quỳnh Cư - thuộc Công ty CTTB và đóng tàu Hải Phòng
Từ tháng 02/2006 đến tháng 9/2007	: Phó Giám đốc - Công ty CTTB và đóng tàu Hải Phòng
Từ tháng 10/2007 đến tháng 01/2010	: Phó Tổng giám đốc - Công ty CTTB và đóng tàu Hải Phòng
Từ tháng 02/2010 đến tháng 3/2012	: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc - Công ty cổ phần LISEMCO 5
Từ tháng 4/2012 đến tháng 6/2015	: Đảng ủy viên, Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 6/2015 đến tháng 10/2015	: Bí thư Đảng ủy, Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 11/2015 đến tháng 4/2016	: Bí thư Đảng ủy, Q, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 4/2016 đến nay	: Bí thư Đảng ủy, Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	: Bí thư Đảng ủy, Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không
Số cổ phần đang nắm giữ	: Cá nhân sở hữu: 44.900 cổ phần L62

	Đại diện sở hữu: 1.038.170 cổ phần L62 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP, chiếm tỷ lệ 18,08%.
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	: Không

### 3. Ông Trần Xuân Trường – Thành viên HĐQT

Họ và tên	: TRẦN XUÂN TRƯỜNG
Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 02/6/1973
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 0310 73000 576
Ngày cấp, nơi cấp	: 28/11/2014 - Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 58/83/85 Hàng Kênh, Lê Chân, TP Hải Phòng
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Xây dựng
Quá trình công tác	:
Từ tháng 8/1996 đến tháng 6/1999	: Trạm trưởng trạm bê tông - Công ty xây dựng 234
Từ tháng 7/1999 đến tháng 9/2004	: Đội trưởng sản xuất - Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2, Phó trưởng đại diện Tổng công ty Lắp máy Việt Nam tại Công trình Xi măng Hải Phòng mới.
Từ tháng 9/2004 đến tháng 9/2006	: Trưởng đại diện Tổng công ty Lắp máy Việt Nam tại Công trình Xi măng Hải Phòng mới.
Từ tháng 10/2006 đến tháng 10/2007	: Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 - Xí nghiệp Lắp máy và Xuất nhập khẩu.
Từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2009	: Phó Tổng giám đốc Công ty, Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 - Xí nghiệp Lắp máy và Xuất nhập khẩu, Chỉ huy trưởng Công trình thủy điện Sơn La thuộc Công ty cổ phần LILAMA 69-2.

Từ tháng 4/2009 đến tháng 4/2010	:	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty, Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 - Xí nghiệp Lắp máy và Xuất nhập khẩu.
Từ tháng 4/2010 đến nay	:	Đảng ủy viên, Bí thư Chi bộ, Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty, Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 - Xí nghiệp Lắp máy và Xuất nhập khẩu.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần đang nắm giữ	:	216.490 cổ phần L62
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	:	Không

#### **4. Bà Lê Thị Minh – Thành viên HĐQT**

Họ và tên	:	LÊ THỊ MINH
Giới tính	:	Nữ
Ngày sinh	:	06-06-1974
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số chứng minh nhân dân	:	030965163
Ngày cấp, nơi cấp	:	Ngày 10/09/2008 do CA Hải Phòng cấp.
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số 1/221 Bạch Đằng, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Marketing
Quá trình công tác	:	
Từ T1/1997-1999	:	Nhân viên Kế toán Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2
Từ 2000-2006	:	Nhân viên dự án Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2 (nay là Công ty CP Lilama 69-2)

Từ T1/2007-2015	:	Phó phòng Kinh doanh Công ty CP Lilama 69-2
Từ T4/2009- T7/2013	:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Lilama 69-2
Từ T8/2013- T4/2016	:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Lilama 69-2
Từ T5/2016- Nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 69-2
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần đang nắm giữ	:	Cá nhân sở hữu 2.590 cổ phần L62 Đại diện sở hữu: 861.273 cổ phần L62 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP, chiếm tỷ lệ 15%.
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	:	Không

### **5. Ông Đỗ Tiến Thành – Thành viên HĐQT**

Họ và tên	:	Đỗ Tiến Thành
Giới tính	:	Nam
Ngày sinh	:	20/02/1968
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số chứng minh nhân dân	:	030694475
Ngày cấp, nơi cấp	:	11/04/2009
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số 11 Đường Chương Dương, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng – Hải Phòng
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư thiết kế vỏ tàu biển, Cử nhân quản trị kinh doanh



Quá trình công tác	:	
Từ 1992 – 1995	:	Thợ sắt Phân xưởng Vỏ - Công ty Sửa chữa tàu biển Phà Rừng.
Từ 1995 – 1997	:	Kỹ sư giám sát gia công chế tạo và lắp đặt Nhà máy xi măng Chinfon Hải Phòng thuộc Công ty UBE (Nhật Bản)
Từ 1997 – 1998	:	Trợ lý quản đốc phân xưởng sửa chữa và bảo dưỡng – Công ty xi măng Chinfon – Hải Phòng
Từ 1998 – 2001	:	Trưởng phòng Sản xuất Công ty Rorze – Robotech – Khu công nghiệp Nomura – Hải Phòng.
Từ 2001 – 2008	:	Trưởng phòng Kỹ thuật, Trưởng phòng Thiết bị vật tư – Ban dự án, Trưởng phòng Kiểm soát sản xuất – Ban chuẩn bị sản xuất – Công ty cổ phần xi măng Thăng Long.
Từ 2008 – 2010	:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần cơ điện môi trường Lilama, Công ty cổ phần xi măng Miền Trung
Từ 2011 – 2015	:	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lisemco 2
Từ T3/2016- Nay	:	Trợ lý Tổng giám đốc (T3-T4/2016); Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-2 (T5/2016)
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Phó tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần đang nắm giữ	:	Không
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	8.000 cổ phiếu Công ty cổ phần Lilama 69-3
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	:	Không

## 14.2. Ban kiểm soát

**Bảng 8 - Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

STT	BAN KIỂM SOÁT	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Văn Đạt	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Tô Phi Sơn	Thành viên
3	Bà Vũ Thị Ngà	Thành viên

### 1. Ông Nguyễn Văn Đạt

Họ và tên	: NGUYỄN VĂN ĐẠT
Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 14/11/1985
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 031406854
Ngày cấp, nơi cấp	: 03/12/2002 Tại Hải Phòng
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Trung Lập, Vĩnh Bảo, Hải Phòng
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Đại học
Quá trình công tác	:
Từ năm 2010 đến T4/2016	: Làm kế toán tại Công ty cổ phần Lilama 69-2
Từ T4/2016 đến nay	: Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	: Trưởng ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không
Số cổ phần đang nắm giữ	: Cá nhân sở hữu 100 cổ phần L62
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	: Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	: Không
------------------------------------	---------

## 2. Ông Tô Phi Sơn

Họ và tên	: TÔ PHI SƠN
Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 29/10/1984
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 040084000224
Ngày cấp, nơi cấp	: 21/10/2015 - Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Tổ 13 cụm 2, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Tài chính kế toán
Quá trình công tác	:
Từ tháng 10/2007 đến tháng 3/2008	: Trợ lý kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán ASNAF Việt Nam
Từ tháng 4/2008 đến nay	: Chuyên viên kế toán - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	: Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không
Số cổ phần đang nắm giữ	: Không
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	: Không

## 3. Bà Vũ Thị Ngà

Họ và tên	: VŨ THỊ NGÀ
-----------	--------------

Giới tính	: Nữ
Ngày sinh	: 10/4/1959
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 031 668 545
Ngày cấp, nơi cấp	: 29/6/2007 - Công an Thành phố Hải Phòng
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Số 2B/16 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, TP Hải Phòng
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:
Từ tháng 5/1978 đến tháng 10/1982	: Cán bộ kế toán - Lắp máy 69 - Hoàng Thạch
Từ năm 1992 đến năm 1986	: Cán bộ kế toán - Lắp máy 69 - Phả Lại
Từ năm 1986 đến năm 1993	: Cán bộ kế toán - Lắp máy 10
Từ năm 1993 đến năm 2002	: Cán bộ kế toán - Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2
Từ năm 2002 đến năm 2004	: Phó phòng Kế toán - Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2
Từ năm 2004 đến năm 2005	: Phó phòng Kế toán - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ năm 2005 đến năm 2014	: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ năm 2014 đến nay	: Nghỉ hưu trí.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	: Thành viên Ban Kiểm soát.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không
Số cổ phần đang nắm giữ	: Cá nhân sở hữu 86.000 cổ phần L62
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	: 12.000 cổ phần PPC
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	: Không

### 14.3. Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

**Bảng 94 – Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng**

STT	BAN GIÁM ĐỐC	CHỨC VỤ
1	Ông Vũ Kế Chương	Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Đức Cường	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng giám đốc
5	Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng giám đốc
6	Ông Nguyễn Hữu Hóa	Phó Tổng giám đốc
7	Ông Đỗ Tiến Thành	Phó Tổng giám đốc
8	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng

1. Ông Vũ Kế Chương – Tổng giám đốc (*Xem thông tin SYLL ở phần HDQT*)
2. Ông Nguyễn Đức Cường

Họ và tên	: NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG
Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 12/12/1973
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 036073000312
Ngày cấp, nơi cấp	: 21/7/2015, Cục QLCT và DLQG về dân cư
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Phòng C1103 - Chung cư LILAMA - 124 Minh Khai, quận Hà Bà Trung, Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:
Từ tháng 5/1996 đến tháng 7/2001	: Nhân viên Phòng Tài chính kế toán, Bí thư Đoàn thanh niên - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 8/2001 đến tháng 3/2008	: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Kế toán trưởng, Thường vụ Đảng ủy, Thường vụ Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên - Công ty cổ phần LISEMCO
Từ tháng 3/2008 đến tháng 4/2015	: Bí thư Chi bộ, Tổng giám đốc Công ty cổ phần tôn mạ màu Việt Pháp (Chủ tịch HĐQT từ năm 2010 đến 4/2015)

Từ tháng 4/2015 đến tháng 11/2016	: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần LISEMCO
Từ tháng 12/2015 đến nay	: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	: Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không
Số cổ phần đang nắm giữ	: Không
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	: Không

3. **Bà Lê Thị Minh** (*Xem thông tin SYLL ở phần HDQT*)
4. **Ông Trần Xuân Trường** (*Xem thông tin SYLL ở phần HDQT*)
5. **Ông Nguyễn Giám Hiệu**

Họ và tên	: NGUYỄN GIÁM HIỆU
Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 03/11/1962
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 024 062 000 046
Ngày cấp, nơi cấp	: 26/02/2016 – Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 126 Hùng Vương, Thượng Lý, Hồng Bàng, TP Hải Phòng
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Điện
Quá trình công tác	:
Từ tháng 01/1984 đến tháng 8/1990	: Công nhân điện - Liên hiệp Lắp máy 69 Phả Lại, Học Đại học tại chức ngành Điện - ĐHBK Hà Nội

Từ tháng 9/1990 đến tháng 01/1997	:	Cán bộ kỹ thuật - Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2
Từ tháng 02/1997 đến tháng 9/1999	:	Đội trưởng sản xuất - Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2
Từ tháng 10/1999 đến tháng 3/2001	:	Q. Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch - Kỹ thuật - Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2
Từ tháng 4/2001 đến tháng 3/2004	:	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch - Kỹ thuật - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 4/2004 đến tháng 6/2005	:	Đảng ủy viên, Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch - Kỹ thuật - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 6/2005 đến tháng 7/2007	:	Đảng ủy viên, Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch - Kỹ thuật - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 7/2007 đến tháng 3/2008	:	Đảng ủy viên, Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 3/2008 đến tháng 4/2009	:	Đảng ủy viên, Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Đầu tư xây dựng cơ bản - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 5/2009 đến tháng 6/2012	:	Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Đầu tư xây dựng cơ bản - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 7/2012 đến nay	:	Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Thi công - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần đang nắm giữ	:	Cá nhân sở hữu 62.975 cổ phần của L62
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Vợ Nguyễn Thị Dung nắm giữ 1.933 cổ phần L62
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	:	Không

## 6. Ông Nguyễn Hữu Hóa

Họ và tên : NGUYỄN HỮU HÓA

Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 16/02/1972
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 033072000098
Ngày cấp, nơi cấp	: 10/12/2014 – Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Số 28 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, TP Hải Phòng
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Điện
Quá trình công tác	:
Từ tháng 12/1989 đến tháng 01/1993	: Học nghề - làm việc tại Xí nghiệp Lắp máy 69-3
Từ tháng 0/1993 đến tháng 12/1993	: Làm việc tại Xí nghiệp Lắp máy 69-1 - Chí Linh, Hải Dương
Từ tháng 01/1994 đến tháng 9/1999	: Làm việc tại Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-1, trong thời gian này tham gia học tại Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội, ngành Điện, điện tử
Từ tháng 10/1999 đến tháng 2/2010	: Đội trưởng sản xuất, Chỉ huy trưởng công trường tại Công ty cổ phần LILAMA 69-2 – Trong thời gian này học liên thông chương trình Đại học của trường Đại học kỹ thuật công nghệ ngành Điện, tự động hóa (2007-2010).
Từ tháng 3/2010 đến nay	: Giám đốc Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi An Lão (từ tháng 3/2010 đến tháng 7/2012), Đảng ủy viên (từ tháng 5/2010), Phó Tổng giám đốc (từ tháng 7/2010), Chủ tịch Công đoàn (từ tháng 6/2013) Công ty cổ phần LILAMA 69-2.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	: Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không
Số cổ phần đang nắm giữ	: Cá nhân sở hữu 81.000 cổ phần L62
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	: Vợ Hoàng Quế Anh nắm giữ 67 cổ phần L62
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	: Không.



Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	: Không.
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	: Không.

**7. Ông Đỗ Tiến Thành** (*Xem thông tin SYLL ở phần HĐQT*)

**8. Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Kế toán trưởng**

Họ và tên	: NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH
Giới tính	: Nữ
Ngày sinh	: 05/3/1979
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 031004517
Ngày cấp, nơi cấp	: 22/9/2008, Công an Hải Phòng
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 51C Phạm Phú Thứ, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán kiểm toán
Quá trình công tác	:
Từ tháng 2/2002 đến tháng 12/2009	: Kế toán tổng hợp - Công ty Liên doanh cơ khí Việt Nhật
Từ tháng 01/2010 đến tháng 10/2013	: Trưởng bộ phận Tài chính kế toán - Công ty cổ phần thép Đình Vũ
Từ tháng 11/2013 đến tháng 12/2016	: Kế toán trưởng - Công ty TNHH thép Dongbu Việt Nam - Hải Phòng
Từ tháng 01/2017 đến nay	: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	: Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không
Số cổ phần đang nắm giữ	: Không
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	: Không

## 15. Tài sản

**Bảng 10 - Danh sách tài sản công ty tại thời điểm 31/12/2016**

Đơn vị: VND

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>158.399.086.172</b>	<b>75.092.590.642</b>	<b>83.306.495.530</b>
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	77.035.500.907	18.232.471.661	58.803.029.246
Máy móc thiết bị	39.685.575.768	23.041.875.143	16.643.700.625
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	41.147.732.866	33.380.794.835	7.766.938.031
Thiết bị, dụng cụ quản lý	530.276.631	437.449.003	92.827.628
<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>2.326.865.454</b>	<b>261.616.202</b>	<b>2.065.249.252</b>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.326.865.454	261.616.202	2.065.249.252
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>935.731.847</b>	<b>935.731.847</b>	<b>935.731.847</b>
TSCĐ vô hình khác	935.731.847	935.731.847	935.731.847
<b>Tổng cộng</b>	<b>158.722.242.674</b>	<b>75.783.435.479</b>	<b>85.371.744.782</b>

(Nguồn : BCTC đã được Kiểm toán năm 2016, BCTC Quý I/2017 của CTCP Lilama 69-2)

## 16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

**Bảng 11 - Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017**

Chỉ tiêu	Năm 2017	
	Kế hoạch (VND)	% tăng giảm so với năm 2016
Doanh thu thuần	370.000.000.000	+ 9,3%
Lợi nhuận trước thuế	5.500.000.000	+ 13,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	1,49%	+ 4,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	4,7%	- 0.3%
Cổ tức	4%	+4%

### Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Trong điều kiện kinh doanh cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước cũng như với các công ty nước ngoài như hiện nay, nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra, Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng các phòng ban trong công ty đề ra các biện pháp như sau:

#### 🚩 Về công tác tổ chức:

- Tiếp tục thực hiện chính sách thắt chặt quản lý nhằm thực hiện chính sách tiết kiệm, chống lãng phí, đề phòng rủi ro ảnh hưởng của diễn biến thị trường, bao gồm các lĩnh vực điều hành, quản lý vật tư nhân công, quản lý kỹ thuật, quản lý về giá thành trong sản xuất,...
- Nâng cao hơn nữa vai trò trách nhiệm gắn chặt nhiệm vụ giữa các phòng ban để hoàn thành công việc nhanh và hiệu quả nhất.
- Đẩy mạnh công tác xây dựng hoàn thiện các quy chế, quy định của công ty đưa vào áp

dụng có hiệu quả.

- Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý điều hành giám sát, quản lý và kiểm tra chặt chẽ hàng tháng các chi phí phát sinh, vật tư thành phẩm.

- + Về lĩnh vực xây lắp và sản xuất:

- Nâng cao chất lượng hồ sơ dự thầu, đơn giá hợp lý, khối lượng đầy đủ, đáp ứng mọi yêu cầu theo dữ liệu mời thầu.

- Giữ vững thị trường tiêu thụ hiện có về các sản phẩm công nghiệp: Thiết bị lọc bụi, kết cấu thép, máy móc. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh tiếp thị sản phẩm, phát triển các thị trường mới để thu hút được nhiều khách hàng và hợp đồng, gia tăng doanh thu cho công ty.

- Giữ vững mối quan hệ với các chủ đầu tư đã tin tưởng và hợp tác qua nhiều dự án như Vingroup, Sun group,...

- Tiếp tục quan tâm tới thị trường xuất khẩu và duy trì khách hàng là đối tác nước ngoài.

- Quản lý chặt chẽ việc tạm ứng, sử dụng vật tư, nhân công trên cơ sở dựa trên định mức, dự toán thi công và khối lượng công việc đã thực hiện.

- Tập trung và chú trọng đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng các công trình mà Tổng công ty giao phó, giữ vững uy tín và thương hiệu của L62 trên thị trường.

- Hoàn thành tăng vốn điều lệ, nhằm nâng cao năng lực trong hồ sơ đấu thầu, tạo thế mạnh trong cạnh tranh thị trường.

#### **17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là tổ chức tư vấn. Công ty cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Lilama 69-2. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đưa ra là có tính khả thi như kế hoạch, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

#### **18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức**

Hiện nay cổ phiếu L62 của Công ty cổ phần Lilama 69-2 đã niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đối với cổ phiếu phát hành thêm sau khi kết thúc từng đợt phát hành Công ty sẽ tiến hành thực hiện niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phần phát hành được theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thông thường niên năm 2017 thông qua. Thời hạn niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trong vòng 15 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi thông báo kết quả phát hành cho tổ chức phát hành tại Khoản 8 Điều 37 Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015. Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về vấn đề niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

#### **19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành**

Không có.

#### **20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán**

Không có

**21. Điều chỉnh số liệu tại 31/12/2015 trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 do điều chỉnh số liệu theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 26/10/2016.**

Số liệu trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K được điều chỉnh lại theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 26/10/2016 và thể hiện tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 của Công ty. Cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số liệu tại	Số liệu tại	Chênh lệch
		31/12/2015 theo biên bản KTNN	31/12/2015 theo BCKT	
<b>A. Bảng cân đối kế toán</b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	13.699.803.493	11.043.207.118	2.656.596.375
Hàng tồn kho	141	89.596.960.629	87.862.737.078	1.734.223.551
Thuế GTGT được khấu trừ	152	349.011.458	-	349.011.458
Tài sản cố định hữu hình				
- Nguyên giá	222	145.584.962.637	146.088.093.115	(503.130.478)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(63.912.136.131)	(64.415.266.609)	503.130.478
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.840.354.281	7.328.450.542	(2.488.096.261)
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.671.033.007	4.290.175.721	1.380.857.286
<b>Cộng tài sản</b>				<b>3.632.592.409</b>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	28.720.921.762	26.066.433.606	2.654.488.156
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.821.483.725	1.751.601.840	69.881.885
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.561.526.829	1.653.304.461	908.222.368
<b>Cộng nguồn vốn</b>				<b>3.632.592.409</b>
<b>B. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
Giá vốn hàng bán	11	284.188.706.769	287.303.787.606	(3.115.080.837)
Chi phí tài chính	22	13.244.883.303	13.175.001.418	69.881.885
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11.860.812.486	9.997.516.570	1.863.295.916
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	539.886.594	266.205.926	273.680.668
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	2.378.849.561	1.470.627.193	908.222.368

## V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

### 1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phần ( Mười nghìn đồng/Cổ phần)

### 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 3.786.167 Cổ phiếu. Trong đó:

#### 3.1. Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 2.500.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ chào bán: 43,54% vốn điều lệ hiện tại (cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ được quyền mua 43,54 cổ phiếu phát hành thêm)

#### 3.2. Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Số lượng cổ phiếu chào bán :1.286.167 Cổ phiếu

- Tỷ lệ phát hành: 22,4% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ được nhận thêm 22,4 cổ phần mới)
- Nguồn sử dụng: nguồn thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2016 trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Lilama 69-2

#### 4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán dự kiến : 10.000 đồng/ Cổ phiếu

#### 5. Phương pháp tính giá

- Giá trị sổ sách một cổ phiếu L62 tại thời điểm 31/12/2016

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị sổ} & & \text{Vốn chủ sở hữu} & 95.346.411.407 & \\ \text{sách 1 cổ} & = & & & \\ \text{phiếu} & & \frac{\text{Tổng số cổ phiếu đang}}{\text{lưu hành}} & \frac{5.741.817}{} & = 16.606 \\ & & & & \text{đồng/cp} \end{array}$$

- Thị giá cổ phiếu L62 tại thời điểm soạn thảo tờ trình phương án phát hành là: 7.500 đồng/cp.

Căn cứ vào giá trị sổ sách, thị giá của cổ phiếu trên thị trường tại ngày lập tờ trình, mức độ pha loãng của cổ phiếu sau phát hành, tình hình thị trường chung và các yếu tố khác ảnh hưởng đến sự thành công của đợt chào bán, HĐQT đề xuất giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

#### 6. Phương thức phân phối

Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các thành viên lưu ký.

Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở Công ty Cổ phần Lilama 69-2. Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được công ty công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày kể từ ngày Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

#### 7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong Quý III/2017 và trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép chào bán.

Sau khi nhận được Quyết định chấp thuận phương án phát hành của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước. Công ty cổ phần Lilama 69-2 thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu như sau:

ST	Hạng mục	Thời
1	Ủy ban Chứng khoán cấp giấy chứng nhận phát hành	D
2	Công bố thông tin phát hành	D+3
3	Thông báo VSD về ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành thêm	D+ 1

4	Chốt danh sách cổ đông	D+ 14
5	VSD gửi danh sách chốt cho Công ty (Danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu)	D+ 20
6	Công ty gửi công văn chấp thuận cho VSD	D + 21
7	Các cổ đông thực hiện đăng ý mua, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu: - Cổ đông đã lưu ký: nộp tiền thông qua Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản. - Cổ đông chưa lưu ký: nộp tiền vào tài khoản của L62	D + 45
8	Báo cáo kết quả phát hành lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước trên cơ sở danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu	D + 50
9	Thực hiện thay đổi Đăng ký kinh doanh	D + 55
10	Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung cho HNX	D + 60
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung cho VSD	D + 60
12	Quyết định chấp thuận niêm yết bổ sung	D + 70
13	Công ty chọn ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết bổ sung	

### **Bước 1: Thông báo quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu**

Công ty phối hợp thực hiện chốt danh sách cổ đông với TTLKCKVN để lập danh sách người sở hữu cuối cùng đồng thời công bố thông tin về đợt phát hành trực tiếp tới các cổ đông trên phương tiện thông tin đại chúng. Sau ngày chốt danh sách cổ đông, Công ty phối hợp với TTLKCKVN phân bổ và thông báo quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn thành viên chưa thực hiện lưu ký chứng khoán.

### **Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu**

Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do TTLKCKVN cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại Công ty.

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỷ lệ quy định, thời gian cụ thể trên thông báo phát hành.

### **Bước 3: Kết thúc thời hạn thực hiện quyền**

Chậm nhất 08 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, TTLKCKVN gửi Danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua chứng khoán phát hành thêm đối với chứng khoán lưu lý cho Công ty và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa mà Công ty đã thông báo.

#### **Bước 4: Phân phối chứng khoán**

Kế hoạch phân phối chi tiết trong bảng kế hoạch trên.

#### **Bước 5: Thông báo kết quả đợt phát hành**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, Công ty tiến hành báo cáo kết quả tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

#### **8. Đăng ký mua cổ phiếu**

- Thời hạn:

Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Đăng ký mua cổ phiếu:

Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở TVLK nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần tại TVLK đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty cổ phần Lilama 69-2, Địa chỉ: Số 26 Tân Viên - Phường Thượng Lý - Quận Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa.

- Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: không có

#### **9. Phương thức thực hiện quyền**

- *Đối với cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu*

Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 tại ngày chốt danh sách để chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 01 cổ phần sẽ được 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua thì sẽ được mua 43,54 cổ phần mới, số cổ phần được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

- *Đối với cổ phiếu phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.*

Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 tại ngày chốt danh sách để phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Tỷ lệ phát hành: 22,4% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần cũ sẽ được nhận thêm 22,4 cổ phần mới). Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại ngày chốt quyền sẽ được nhận thêm 22,4 cổ phần mới của đợt phát hành, số cổ phần được làm tròn đến hàng đơn vị.

- Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phiếu  
Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được quyền thực hiện quyền mua cổ phần phát hành mới này hoặc các nhà đầu tư và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.  
Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

## **10. Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (Nếu có).**

- Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: số lượng cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu được làm tròn xuống hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có) sẽ được hủy coi như không phát hành.
- Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: Cổ phiếu dôi dư phát sinh bao gồm lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đặt mua hết hoặc không thực hiện quyền mua, số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn xuống hàng đơn vị (nếu có) sau đợt chào bán. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT lên phương án phân phối cho các đối tượng phù hợp khác phần cổ phiếu dôi dư phát sinh với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) cho các đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp
- Giá chào bán không thấp hơn giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Thời điểm phát hành cổ phiếu cho đối tượng khác được thực hiện ngay khi có kết quả chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Đối với việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết do cổ đông không thực hiện quyền, Công ty cam kết thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật Doanh nghiệp.
- Trong trường hợp số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) được chào bán cho một tổ chức hoặc cá nhân xác định chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ, danh sách nhà đầu tư được chào bán này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Cổ phiếu L62 đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, các giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài sẽ phụ thuộc vào các quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Theo Nghị định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/06/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam “Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%”.

Hiện tại Công ty đang kinh doanh một số ngành nghề mà Nhà đầu tư nước ngoài không được phép tham gia như: Vận tải đường ống, Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng khí nên mức tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài áp dụng với Công ty tối đa là 0%. Theo danh sách cổ đông gần nhất ngày 21/3/2016, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 350 cổ phiếu tương ứng với 0.01% vốn điều lệ. Công ty cam kết việc phân phối cổ phiếu của đợt phát hành tăng vốn năm 2016 không làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Ngày 7/12/2016, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã có văn bản số 16407/VSD-ĐK về việc điều chỉnh tỷ lệ room Nhà đầu tư nước ngoài của mã chứng khoán L62 từ 49% xuống 0%

## **12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng**

Căn cứ nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 58/2012/NĐ-CP, số lượng cổ phiếu dôi dư phát sinh do ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối, chào bán cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.



### **13. Các loại thuế có liên quan**

Các loại thuế liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm các loại:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)
- Thuế giá trị gia tăng (10%)
- Thuế Môn bài, Thuế nhà đất...

Thuế liên quan đến cổ phiếu chào bán:

#### ***Đối với nhà đầu tư cá nhân:***

- Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng cổ phiếu: theo quy định tại Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thực hiện Luật thuế TNCN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

- Thu nhập từ cổ tức: Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân, thu nhập từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ tức, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

#### ***Đối với nhà đầu tư tổ chức:***

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN 2008 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

### **13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu**

- Số tài khoản: 118002626903
- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Lilama 69-2
- Tại: Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh Lê Chân - Hải Phòng

### **14. Các cam kết liên quan đến đợt phát hành**

Công ty cam kết phân phối cổ phiếu phát hành phù hợp với Quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật doanh nghiệp 2014.

## **VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

### **1. Mục đích chào bán**

Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến sẽ được bổ sung cho nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư cho dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất Công ty năm 2017.

### **2. Phương án khả thi**

Dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất Công ty năm 2017

- Địa điểm: Công ty Cổ phần LILAMA 69-2.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần LILAMA 69-2.

- Hình thức thực hiện Dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện Dự án.
- Tổng mức đầu tư: **20.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng chẵn)**
- Thời gian thực hiện Dự án: trong năm 2017
- \* Quy mô : Nhà máy Chế tạo thiết bị lọc bụi có quy mô như sau:
  - + Sản phẩm: Thiết bị lọc bụi, thiết bị cơ khí, kết cấu thép, bồn bể, thiết bị áp lực.
  - + Công suất Nhà máy: 7.000 tấn/năm.
  - + Địa điểm: Km35 Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.
  - + Diện tích Nhà máy: 6,0 ha.
  - + Thời gian đưa vào sử dụng: 01/4/2012.
  - + Chất lượng sản phẩm: Bảo đảm tiêu chuẩn Châu Âu, TCVN, tiêu chuẩn ISO 9001-2000.
  - + Tổng số vốn đã đầu tư vào Nhà máy đợt 1 từ năm 2007 đến khi Nhà máy đưa vào sử dụng là 88 tỷ đồng (*Tám mươi tám tỷ đồng*).
  - + Tổng số vốn đầu tư từ năm 2012 đến hết năm 2015 đạt gần 10 tỷ đồng.
  - + Sau khi thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2016 với tổng mức đầu tư thực hiện đến hết tháng 6/2017 là 20 tỷ đồng, bao gồm: Đầu tư bổ sung thêm Trạm biến áp 1500KVA và Hệ thống điện động lực cho các bãi gia công ; 02 bộ Cồng trục 20/5 tấn, 01 bộ cồng trục 5 tấn, 01 bộ cồng trục 3 tấn tại bãi gia công; 02 bộ cầu trục 5 tấn trong nhà xưởng chính, đầu tư thêm 03 máy cắt tôn plasma/CNC, 01 máy khoan CNC, một số máy hàn, máy phun sơn, đặc biệt đổ bê tông gần 10.000 m<sup>2</sup> bãi gia công Cồng trục 35 tấn vv... đã góp phần làm thay đổi diện mạo nhà máy, bảo đảm nguồn điện cho sản xuất, tăng thiết bị thi công và mặt bằng thi công, Nhà máy đã phần khởi tăng được sản lượng vượt trội so với các năm trước, có tháng đã đạt sản lượng sản xuất kết cấu thép trên 1.500 tấn/tháng, tăng công suất nhà máy thành 18.000 tấn/năm, đã tăng sản lượng lên 2.5 lần so với công suất ban đầu của Nhà máy.
  - + Cho đến hết năm 2016 giá trị đầu tư vào nhà máy đã đạt 110 tỷ đồng, nếu kết thúc Dự án đầu tư năm 2016 giá trị đầu tư vào nhà máy là 120 tỷ đồng.
  - + Tổng mức đầu tư năm 2017: 20 tỷ đồng. Nếu thực hiện xong Dự án đầu tư năm 2017, giá trị đầu tư sẽ đạt giá trị đến 140 tỷ đồng.

**Bảng 12 - Danh mục và tổng mức đầu tư**

Stt	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá dự tính chưa có VAT (VNĐ)	Tổng mức đầu tư (chưa thuế VAT)	Thuế VAT 10%	Tổng mức đầu tư (bao gồm thuế VAT)

<b>I</b>	<b>Phần xây dựng:</b>				<b>6.708.227.433</b>		<b>7.379.050.176</b>
1	Đổ bê tông bãi gia công	m2	16.000	170.000	2.720.000.000	272.000.000	2.992.000.000
2	Sàn máy cắt Plasma/CNC	HM	1	160.000.000	160.000.000	16.000.000	176.000.000
3	Xây dựng xưởng làm sạch sơn (phần kết cấu thép): 48mx16m	m2	768	2.500.000	1.920.000.000	192.000.000	2.112.000.000
4	Xây dựng nhà kho, sân bãi khu vực QLM và cơ giới (giai đoạn 2)	HM	1	178.227.433	178.227.433	17.822.743	196.050.176
5	Sửa chữa, cải tạo khu văn phòng Công ty:						
5.1	<i>Cải tạo phòng họp tầng 3 thành phòng làm việc chung</i>	<i>HM</i>	<i>1</i>	<i>130.000.000</i>	<i>130.000.000</i>	<i>13.000.000</i>	<i>143.000.000</i>
5.2	<i>Cung cấp và lắp đặt bàn làm việc, giá, tủ tài liệu</i>	<i>HM</i>	<i>1</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>	<i>20.000.000</i>	<i>220.000.000</i>
5.3	<i>Sửa chữa các phòng làm việc tầng 1+2 và Kinh doanh</i>	<i>HM</i>	<i>1</i>	<i>150.000.000</i>	<i>150.000.000</i>	<i>15.000.000</i>	<i>165.000.000</i>
6	Thi công móng ray công trục 10 tấn, khẩu độ 27m	HM	2	500.000.000	1.000.000.000	100.000.000	1.100.000.000
7	Lắp đặt các thiết	TB	1 số	250.000.000	250.000.000	25.000.000	275.000.000

	bị công nghệ						
<b>II</b>	<b>Phần thiết bị:</b>				<b>9.219.818.182</b>		<b>10.141.800.000</b>
1	Cung cấp máy phun sơn	máy	2	38.181.818	76.363.636	7.636.364	84.000.000
2	Cung cấp Cổng trục 10 tấn, khẩu độ 27 m	bộ	2	181.818.182	363.636.364	36.363.636	400.000.000
3	Cung cấp máy hàn Mig 500	máy	10	38.181.818	381.818.182	38.181.818	420.000.000
4	Cung cấp máy nắn dầm	máy	1	550.000.000	550.000.000	55.000.000	605.000.000
5	Cung cấp máy phay, tốc độ trục chính: 56-1127v/ph	máy	1	93.000.000	93.000.000	9.300.000	102.300.000
6	Cung cấp máy phay, tốc độ trục chính: 20-2000v/ph	máy	1	108.000.000	108.000.000	10.800.000	118.800.000
7	Cung cấp máy tiện, đường kính mâm cặp: $\geq 350\text{mm}$	máy	1	195.000.000	195.000.000	19.500.000	214.500.000
8	Cung cấp máy tiện, đường kính mâm cặp: $\geq 230\text{mm}$	máy	1	142.000.000	142.000.000	14.200.000	156.200.000
9	Cung cấp máy khoan cần, đường kính khoan: 2-54mm	máy	1	140.000.000	140.000.000	14.000.000	154.000.000

10	Cung cấp máy tiện 6 M	máy	1	180.000.000	180.000.000	18.000.000	198.000.000
11	Cung cấp máy tiện 4 M	máy	1	90.000.000	90.000.000	9.000.000	99.000.000
12	Cung cấp dây chuyền tự động cắt, đột, đánh dấu điều khiển CNC	bộ	1	2.172.727.273	2.172.727.273	217.272.727	2.390.000.000
13	Cung cấp cổng trục từ 2,5 - 5 tấn	bộ	7	65.000.000	455.000.000	45.500.000	500.500.000
14	Cung cấp máy lọc đĩa	máy	1	45.000.000	45.000.000	4.500.000	49.500.000
15	Cung cấp máy ép 200 tấn	máy	1	200.000.000	200.000.000	20.000.000	220.000.000
16	Máy cắt plasma/CNC	bộ	1	1.377.272.727	1.377.272.727	137.727.273	1.515.000.000
17	Cung cấp máy hàn hồ quang chìm	máy	5	230.000.000	1.150.000.000	115.000.000	1.265.000.000
18	Cung cấp máy cưa vòng	máy	1	1.400.000.000	1.400.000.000	140.000.000	1.540.000.000
19	Cung cấp máy pho to	máy	1	100.000.000	100.000.000	10.000.000	110.000.000
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn ĐTXD</b>				<b>1.392.307.839</b>		<b>1.531.538.623</b>
1	Chi phí thiết kế và dự toán				117.311.572	11.731.157	129.042.729
2	Chi phí thẩm tra thiết kế và DT				22.456.787	2.245.679	24.702.465
3	Chi phí giám sát thi công xây lắp				134.357.662	13.435.766	147.793.428

4	Chi phí thẩm định mua thiết bị đã qua sử dụng				18.181.818	1.818.182	20.000.000
5	Cung cấp chứng chỉ quản lý chất lượng ASME	TB	1 số	1.100.000.000	1.100.000.000	110.000.000	1.210.000.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>177.696.981</b>		<b>177.696.981</b>
	Lãi vay trong thời gian thực hiện dự án.				177.696.981		177.696.981
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>				<b>699.922.017</b>	69.992.202	<b>769.914.219</b>
<b>VI</b>	<b>TỔNG VỐN ĐẦU TƯ</b>				<b>18.197.972.453</b>		<b>20.000.000.000</b>

## VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán: Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu là 25.000.000.000 đồng trong năm 2017 dự kiến sẽ được bổ sung cho nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Mục đích	Số tiền dự kiến(VND)
Bổ sung vốn lưu động	5.000.000.000
Đầu tư cho dự án Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất Công ty năm 2017	20.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.000.000.000</b>

## **VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**



Công ty Cổ phần chứng khoán FPT

***Trụ sở chính :***

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3773 7070

Fax: 04.3773 9058

Website : [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**



Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 709 , Sunrise Building Số 90 Đường Trần Thái

Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại: 04. 3200 2016

Fax: 04. 3200 2016

## **IX. PHỤ LỤC**

- 1. Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- 2. Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
- 3. Phụ lục III:** Điều lệ công ty
- 4. Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính kiểm toán và Báo cáo tài chính quý gần nhất
- 5. Phụ lục VI:** Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và các tài liệu pháp lý của dự án đầu tư.
- 6. Các phụ lục khác (nếu có).**



Hải Phòng, ngày 4 tháng 7 năm 2017

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH - CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**TRƯƠNG ĐỨC THÀNH**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**NGUYỄN VĂN ĐẠT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**VŨ KẾ CHƯƠNG**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH**

TỔ CHỨC TƯ VẤN - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP  
*Nguyễn Thị Hằng*

